HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 66/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 602/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Triệu Việt Vương là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:40:46

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 808/ĐA-UBND	*Triệu Việt Vương, ngày 26 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN

CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

******

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết công nhận xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

Xã Triệu Việt Vương nằm ở phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 28 km và thuộc khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội) có tính kết nối với các đô thị khác trong tỉnh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tạo cơ hội để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn. Xã Triệu Việt Vương với tổng diện tích tự nhiên là 27,18 km^2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 44.927 người, có tính chất là đô thị đầu mối giao thông của tỉnh, vùng; là một trong những trung tâm công nghiệp quan trọng của tỉnh; là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể dục thể thao, khoa học công nghệ tỉnh.

Trong những năm qua, việc phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh trên địa bàn xã Triệu Việt Vương cũng gây ra những khó khăn và thách thức do áp lực của việc tăng dân số, chuyển nhượng đất đai, xây dựng các công trình. Hậu quả của quá trình này dẫn đến tình trạng vi phạm trật tự xây dựng đô thị, lấn chiếm đất công, cơi nới trái phép và xây dựng sai với thiết kế quy hoạch,... diễn ra ngày một tăng. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ triển khai thu hút đầu tư xây dựng theo đô thị được duyệt, hướng tới thành lập phường, tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị, ban hành tiêu chuẩn tuyến phố văn minh và thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch, đặc biệt là công tác cấp phép các dự án đầu tư xây dựng đô thị trên địa bàn xã sẽ đi vào nề nếp.

Triệu Việt Vương có vị trí thuận lợi trong hệ thống các đô thị và khu vực động lực phát triển của tỉnh Hưng Yên, có điều kiện kết nối với các tuyến giao thông quan trọng, các khu vực sản xuất, dịch vụ, thương mại và các trung tâm kinh

tế - xã hội lân cận. Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra nhanh, quy mô dân số, mức độ tập trung dân cư và nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại - dịch vụ ngày càng gia tăng; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, giảm dần sự phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư, chỉnh trang và nâng cấp, diện mạo khu vực trung tâm và các khu dân cư ngày càng khang trang, hiện đại, tạo tiền đề hình thành không gian đô thị có tính liên kết và khả năng phát triển ổn định lâu dài.

Việc công nhận Triệu Việt Vương là đô thị loại III không chỉ nhằm đánh giá, xác lập đúng thực trạng và vị thế phát triển đô thị của địa phương mà còn là cơ sở quan trọng để quản lý phát triển không gian, sử dụng đất, đầu tư kết cấu hạ tầng và tổ chức cung cấp các dịch vụ đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại và bền vững. Đây cũng là cơ sở để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị sinh thái và các ngành kinh tế có lợi thế; nâng cao chất lượng môi trường sống, cảnh quan và đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đồng thời, việc công nhận đô thị loại III góp phần tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tăng cường liên kết giữa Triệu Việt Vương với các khu vực phát triển khác của tỉnh Hưng Yên, nâng cao vai trò của địa phương trong mạng lưới đô thị của tỉnh và từng bước hình thành một đô thị phát triển đồng bộ, văn minh, hiện đại, có bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030 và các năm tiếp theo.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,... qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Triệu Việt Vương đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận là đô thị loại III, hướng tới thành lập phường trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Triệu Việt Vương nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

2. Căn cứ pháp lý lập đề án

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 133/VBHN-VPQH ngày 03 tháng 9 năm 2025);

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-VPQH ngày 13 tháng 3 năm 2026);

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết

số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Các văn bản khác có liên quan.

3. Phạm vi lập đề án

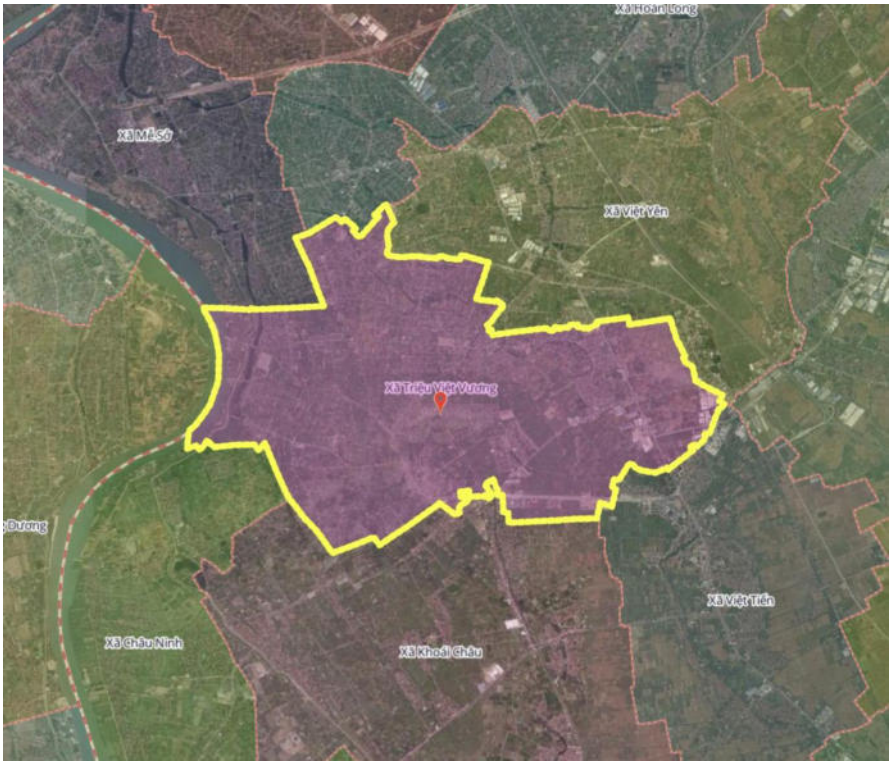
Phạm vi lập Đề án công nhận xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Triệu Việt Vương. với tổng diện tích tự nhiên khoảng 27,18 Km^2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 44.927 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Việt Tiến;

- Phía Tây giáp xã Châu Ninh;

- Phía Nam giáp xã Khoái Châu;

- Phía Bắc giáp các xã Mễ Sở, Hoàn Long, Việt Yên.



Hình 1: Sơ đồ vị trí ranh giới xã Triệu Việt Vương trong tỉnh Hưng Yên

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển xã Triệu Việt Vương

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Khoái Châu là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập xã Khoái Châu trên cơ sở xã Kim Ngưu cũ và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 xã (Khoái Châu) và 24 xã (Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tử, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại

Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích và quy mô dân của xã Dạ Trạch và xã Hàm Tử sáp nhập thành lập xã Phạm Hồng Thái.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên.

Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Phạm Hồng Thái, Tân Dân, Ông Đình và An Vĩ thành xã mới có tên gọi là xã Triệu Việt Vương cho đến tận ngày nay.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt

2.1. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trên địa bàn xã Triệu Việt Vương trong thời gian qua đã từng bước được quan tâm, tạo cơ sở định hướng tổ chức không gian, sử dụng đất và đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Xã Triệu Việt Vương được thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng 04 đơn vị hành chính gồm Phạm Hồng Thái, Tân Dân, Ông Đình và An Vĩ; sau sắp xếp có diện tích tự nhiên khoảng 27,15 km², quy mô dân số 44.554 người, mật độ dân số khoảng 1.641 người/km². Với quy mô dân số và mật độ tương đối cao so với nhiều khu vực nông thôn trong tỉnh, địa bàn đã hình thành các khu vực tập trung dân cư, các tuyến phố, trung tâm dịch vụ và các trục phát triển có tính chất đô thị ngày càng rõ nét.

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra gắn với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển thương mại - dịch vụ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, khu vực Tân Dân đang hình thành động lực phát triển mới với Khu công nghiệp Tân Dân có tổng diện tích gần 200 ha, trong đó khoảng 110 ha nằm trên địa bàn xã Triệu Việt Vương. Việc triển khai KCN được xác định sẽ tạo thêm động lực phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, tạo việc làm và thúc đẩy nhu cầu phát triển nhà ở, dịch vụ, thương mại và hạ tầng đô thị trên địa bàn.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của xã từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. Các tuyến giao thông kết nối các khu dân cư, khu vực sản xuất và trung tâm xã được quan tâm đầu tư; hệ thống điện, cấp nước, thông tin liên lạc, trường học, cơ sở y tế, văn hóa, thể thao và các công trình phục vụ cộng đồng từng bước được hoàn thiện. Cùng với quá trình phát triển dân cư, hoạt động thương mại - dịch vụ đã hình thành và phát triển dọc theo các tuyến giao thông chính, góp phần tạo nên các trục không gian có chức năng hỗn hợp và từng bước hình thành diện mạo đô thị.

Về công tác quy hoạch, việc hình thành xã mới đặt ra yêu cầu phải tổ chức lại không gian phát triển theo hướng thống nhất trên toàn địa bàn, bảo đảm kết nối giữa các khu vực dân cư hiện hữu của 04 xã trước đây với các khu vực phát triển mới. Định hướng quy hoạch cần tập trung hình thành các trục phát triển đô thị gắn với giao thông đối ngoại, khu vực trung tâm hành chính - dịch vụ, các khu dân cư tập trung, khu vực sản xuất công nghiệp và các vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao; đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất, trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và bảo vệ môi trường.

Một trong những cơ sở quan trọng khẳng định xu hướng đô thị hóa của Triệu Việt Vương là địa phương đã được tỉnh đưa vào danh sách các xã dự kiến thành lập phường năm 2026. Theo kết quả rà soát sơ bộ của tỉnh, Triệu Việt Vương cơ bản/đạt 8/9 tiêu chí, trong đó nhóm tiêu chí về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội được đánh giá đạt 161%. Kết quả này cho thấy địa bàn đã có nền tảng tương đối thuận lợi để tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn về phát triển đô thị, nâng cao chất lượng hạ tầng và chuyển đổi mô hình quản lý, phát triển từ không gian nông thôn sang không gian đô thị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quy hoạch và phát triển đô thị vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Hệ thống hạ tầng tại các khu vực được hình thành từ các xã cũ chưa thật sự đồng bộ; khả năng kết nối giữa các khu dân cư, trung tâm dịch vụ và các khu vực phát triển mới còn cần được nâng cao. Một số tuyến đường cần tiếp tục mở rộng, hoàn thiện mặt cắt, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và hệ thống thoát nước; hạ tầng cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn cần được đầu tư đồng bộ hơn theo yêu cầu của đô thị. Không gian kiến trúc cảnh quan tại một số khu dân cư còn thiếu tính thống nhất, các công trình công cộng và không gian cây xanh, vui chơi, thể thao cần tiếp tục được bổ sung nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống.

Trong giai đoạn tới, xã Triệu Việt Vương cần tiếp tục lấy công tác quy hoạch làm công cụ chủ đạo để kiểm soát và định hướng quá trình đô thị hóa; ưu

tiên hoàn thiện quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan; tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng khung, đặc biệt là các tuyến giao thông kết nối, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng, cây xanh và hạ tầng xã hội. Đồng thời, cần khai thác hiệu quả lợi thế từ KCN Tân Dân gần 200 ha, phát triển các khu vực thương mại - dịch vụ, nhà ở và các chức năng đô thị phụ trợ theo hướng đồng bộ, tránh phát triển tự phát. Qua đó, từng bước hoàn thiện cấu trúc không gian đô thị, nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị và tạo nền tảng để Triệu Việt Vương phát triển theo hướng đô thị loại III hiện đại, xanh, sinh thái, có bản sắc và phát triển bền vững, đóng góp tích cực vào mạng lưới đô thị và sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Hưng Yên.

2.2. Các dự án đang triển khai theo quy hoạch

Trong những năm gần đây, công tác triển khai các chương trình, dự án theo quy hoạch trên địa bàn xã Triệu Việt Vương đã có những chuyển biến tích cực, từng bước cụ thể hóa định hướng phát triển không gian, sử dụng đất và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng của địa phương. Các dự án được triển khai tương đối đa dạng, tập trung vào các nhóm lĩnh vực quan trọng như phát triển công nghiệp, hạ tầng khu dân cư, giao thông, bảo tồn di tích - phát triển du lịch và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, qua đó tạo nền tảng thúc đẩy quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã.

Đối với phát triển công nghiệp, dự án có quy mô và vai trò động lực nổi bật là Khu công nghiệp Tân Dân. Theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên, KCN Tân Dân có tổng diện tích quy hoạch khoảng 200 ha, nằm trên địa bàn xã Triệu Việt Vương và xã Việt Yên; trong đó khoảng 110 ha thuộc địa bàn xã Triệu Việt Vương. Đến tháng 3/2026, KCN Tân Dân đã được xác định trong danh mục các KCN của tỉnh kêu gọi đầu tư, đã có quy hoạch phân khu và đã có chủ đầu tư dự án hạ tầng từ ngày 02/02/2026. Hiện địa phương đang tập trung thực hiện công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng và tuyên truyền, vận động nhân dân có đất nằm trong phạm vi dự án.

Bên cạnh KCN Tân Dân, trên địa bàn đã xuất hiện các dự án sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ đã được cho thuê đất năm 2025-2026, cụ thể: Dự án đầu tư Xưởng gia công các sản phẩm kim khí Ngôi Sao Việt của Công ty TNHH thương mại và công nghệ Ngôi Sao Việt; Dự án đầu tư Nhà máy Nông Việt Hưng Yên của Công ty TNHH Nông Việt Hưng Yên; Dự án đầu tư Kinh doanh thiết bị điện gia dụng và đồ gỗ nội thất Rapido của Công ty TNHH Công nghệ Nhiệt Châu Âu; Dự án Nhà máy sản xuất gỗ ván ép MDF của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hưng Thịnh; Nhà máy sản xuất vật liệu trang trí nội ngoại thất Hà Nội của Công ty TNHH sản xuất vật liệu trang trí nội ngoại thất Hà Nội; Nhà máy sản xuất

hàng tiêu dùng Tanaka của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tanaka; Nhà máy sản xuất đồ dùng văn phòng phẩm của Công ty TNHH Quảng Đức Phong; Dự án kinh doanh vật liệu xây dựng Minh Long của Công ty TNHH Minh Long,...

Đây là cơ sở cho thấy định hướng phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang từng bước được cụ thể hóa bằng các dự án đầu tư thực tế.

Đối với phát triển khu dân cư và nhà ở, một số dự án hạ tầng khu dân cư mới đã được triển khai, tạo quỹ đất ở và từng bước hình thành các khu vực dân cư có hạ tầng đồng bộ hơn. Tiêu biểu là Khu dân cư nông thôn mới Xuân Đình thuộc xã Hàm Tử cũ; 02 Khu dân cư mới thuộc xã Dạ Trạch cũ; 03 Khu dân cư mới thuộc xã Tân Dân cũ, 03 Khu dân cư mới thuộc xã Ông Đình cũ; 02 Khu dân cư mới thuộc xã An Vĩ cũ và 03 dự án Khu dân cư mới do UBND huyện Khoái Châu (cũ) làm Chủ đầu tư,... Trong năm 2025 và 2026, UBND xã đã tổ chức nhiều đợt đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, góp phần tăng thu cho ngân sách tỉnh, ngân sách xã hàng nghìn tỷ đồng. Việc triển khai đấu giá và phát triển quỹ đất ở là một trong những bước cụ thể hóa quy hoạch dân cư, đồng thời tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng địa phương.

Đối với hệ thống giao thông và hạ tầng phục vụ phát triển đô thị, xã đã và đang triển khai nhiều dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông, đặc biệt tại các khu vực kết nối với trung tâm dân cư và khu di tích. Một số công trình tiêu biểu gồm cải tạo, nâng cấp đường ĐH.57, huyện Khoái Châu; cải tạo nâng cấp ĐT. 377 đoạn từ ngã ba hàng đến ngã tư cây xăng Đông Tảo; cải tạo nâng cấp đường trục chính thôn Yên Vĩnh; đường vào khu di tích Đền Hóa; đường giao thông nông thôn xã Triệu Việt Vương đoạn Kênh Tây - Châu Linh; đường trục chính sản xuất kinh doanh Tân Dân – Ông Đình,... Các dự án này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực kết nối nội bộ, cải thiện điều kiện đi lại của người dân, đồng thời tạo điều kiện kết nối các khu dân cư với các điểm du lịch, di tích và khu vực phát triển kinh tế. Theo thông tin của xã, các công trình được triển khai theo tiến độ và hướng tới hoàn thành, đưa vào sử dụng trước Tết Nguyên đán 2026.

Đối với bảo tồn di sản và phát triển du lịch, khu vực Đền Hóa Dạ Trạch, Đền Triệu Việt Vương đã và đang được quan tâm đầu tư theo hướng vừa bảo tồn giá trị di tích, vừa tạo động lực phát triển du lịch văn hóa - tâm linh. Công trình tu sửa cấp thiết các hạng mục phụ trợ Đền Hóa Dạ Trạch đã cơ bản hoàn thành; Công trình đường giao thông nông thôn thôn Yên Vĩnh đoạn từ ngã tư Đền Hoá vào bờ đầm; đường vào di tích lịch sử Đền Hoá đến Châu Linh và tuyến nhánh từ cổng Đền Hoá lên Gác Chuông,... Đặc biệt, trong tháng 8/2026, Ban Quản lý dự án xã Triệu Việt Vương đã công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án Bãi đỗ xe cụm di tích Đền Hóa Dạ Trạch - Đền Triệu

Việt Vương, cho thấy việc đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch đang tiếp tục được triển khai. Song song với đầu tư hạ tầng vật chất, xã cũng đang xây dựng Đề án "Kiến tạo di sản số gắn với phát triển du lịch văn hóa", mở ra hướng phát triển mới trong khai thác giá trị di sản gắn với chuyển đổi số. Đầu năm 2026, xã đã tổ chức thành công hai Lễ hội Đền Hoá và Lễ hội Đền Triệu Việt Vương với nhiều chương trình văn hoá, văn nghệ đặc sắc thu hút nhiều du khách du lịch.

Đối với các dự án, công trình quốc phòng và hạ tầng có tính chất liên vùng, địa bàn xã cũng đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án Sở chỉ huy hậu phương HPA1-24 (giai đoạn 1), UBND xã đã tổ chức làm việc với các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng tại thôn An Cảnh, thông tin về mục tiêu dự án và chính sách thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định và đã hoàn thành GPMB năm 2025 bàn giao đất cho Bộ CHQS tỉnh. Điều này cho thấy Triệu Việt Vương đang tham gia vào quá trình triển khai các dự án có phạm vi và tác động vượt ra ngoài phạm vi đơn vị hành chính, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng và tăng cường khả năng kết nối của khu vực.

Nhìn chung, cơ cấu các dự án đang triển khai trên địa bàn Triệu Việt Vương tương đối phù hợp với xu hướng chuyển dịch từ khu vực nông thôn sang mô hình phát triển đô thị - công nghiệp - dịch vụ. Các dự án công nghiệp tạo động lực tăng trưởng và việc làm; các dự án khu dân cư tạo quỹ đất và không gian ở; các dự án giao thông nâng cao khả năng kết nối; trong khi các dự án bảo tồn di tích và phát triển du lịch góp phần hình thành bản sắc và không gian dịch vụ đô thị. Đặc biệt, KCN Tân Dân với khoảng 101 ha thuộc địa bàn Triệu Việt Vương, cùng hệ thống dự án giao thông, khu dân cư, sản xuất và du lịch đang triển khai sẽ tạo động lực quan trọng để hình thành các khu vực phát triển tập trung, thúc đẩy gia tăng nhu cầu về nhà ở, thương mại - dịch vụ và hạ tầng xã hội.

Tuy nhiên, mức độ triển khai giữa các nhóm dự án chưa đồng đều. Một số dự án mới đang ở bước chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng hoặc hoàn thiện thủ tục đất đai; trong khi một số công trình hạ tầng và bảo tồn di tích đã cơ bản hoàn thành. Do đó, trong giai đoạn tới cần tiếp tục rà soát toàn bộ danh mục dự án theo quy hoạch, phân loại theo tình trạng thực hiện (đã hoàn thành, đang triển khai, chuẩn bị đầu tư và chưa triển khai), xác định rõ nguyên nhân chậm tiến độ và khả năng thực hiện, đồng thời ưu tiên các dự án có tác động lan tỏa lớn đến cấu trúc đô thị. Đặc biệt cần tập trung hoàn thiện hạ tầng KCN Tân Dân, các tuyến giao thông khung, các khu dân cư mới, hạ tầng thương mại - dịch vụ, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, cây xanh và không gian công cộng.

Qua đánh giá cho thấy, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa quy hoạch, hình thành cấu trúc không gian đô thị và tạo

động lực phát triển kinh tế - xã hội của Triệu Việt Vương. Việc tiếp tục triển khai đồng bộ các dự án theo quy hoạch sẽ góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng, tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ đô thị, cải thiện cảnh quan và môi trường sống, đồng thời tạo cơ sở thực tiễn để xã hoàn thiện các tiêu chí hướng tới đô thị loại III và phát triển theo định hướng đô thị thông minh, hiện đại, xanh và bền vững.

2.3. Công tác cải tạo nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch

Đối với công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Triệu Việt Vương thời gian qua đã được quan tâm triển khai, từng bước cụ thể hóa các định hướng quy hoạch, đồng thời tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo, cảnh quan và chất lượng hệ thống hạ tầng của địa phương. Sau khi hình thành đơn vị hành chính mới, xã đã tập trung rà soát, kế thừa và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng từ các đơn vị hành chính trước sắp xếp, đồng thời ưu tiên các công trình có tính chất kết nối, tạo điểm nhấn và phục vụ trực tiếp quá trình đô thị hóa. Việc đầu tư được thực hiện theo hướng tăng cường hạ tầng giao thông, chỉnh trang các khu dân cư, cải thiện cảnh quan, nâng cấp các công trình công cộng, văn hóa – lịch sử và từng bước hình thành không gian đô thị khang trang, đồng bộ hơn.

Về cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và không gian cảnh quan đô thị, dự án nổi bật là Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.57, có tổng mức đầu tư khoảng 384 tỷ đồng, chiều dài tuyến gần 3 km, mặt cắt ngang khoảng 52 m. Dự án được đầu tư đồng bộ với mặt đường bê tông nhựa, hệ thống chiếu sáng LED, cây xanh, vỉa hè và dải phân cách. Cùng với tuyến đường, các công trình tạo điểm nhấn cảnh quan gồm Cổng chào tại nút giao Quốc lộ 39, tổng mức đầu tư khoảng 18 tỷ đồng, Trụ đảo giao thông – trang trí tuyến đường ĐH.57, tổng mức đầu tư khoảng 12,6 tỷ đồng, góp phần hình thành tuyến giao thông có quy mô, cảnh quan và hình thức kiến trúc phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị. Các dự án này không chỉ nâng cao năng lực giao thông mà còn tạo bộ mặt đô thị mới, tăng khả năng kết nối giữa các khu dân cư, khu vực sản xuất, thương mại – dịch vụ và các khu vực phát triển trong xã.

Về chỉnh trang các khu dân cư và phát triển không gian ở, xã đã từng bước đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư mới, đồng thời khai thác quỹ đất để tạo nguồn lực phục vụ phát triển hạ tầng. Tiêu biểu là Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới xã Ông Đình (cũ), nay thuộc xã Triệu Việt Vương. Trong tháng 02/2026, xã đã tổ chức đấu giá 37 lô đất, trong đó 32 lô đấu giá thành công, với giá trúng cao nhất gần 37 triệu đồng/m² và thấp nhất 26 triệu đồng/m². Việc hoàn thiện hạ tầng và khai thác quỹ đất ở theo quy hoạch góp phần hình thành các khu

dân cư có tổ chức, tạo nguồn lực cho ngân sách và tái đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng không gian ở trên địa bàn.

Về chỉnh trang các công trình công cộng, văn hóa và cảnh quan, xã đã quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình có giá trị lịch sử, văn hóa và phục vụ cộng đồng. Đối với Nghĩa trang liệt sĩ Dạ Trạch, công trình được cải tạo, nâng cấp trên diện tích khoảng 4.180 m², với tổng mức đầu tư 14,8 tỷ đồng; các hạng mục gồm tượng đài, 02 nhà bia, nâng cấp phần mộ bằng đá nguyên khối, nhà hóa vàng, tường rào, hệ thống thoát nước và chiếu sáng; sân nghĩa trang, sân nhà bia và kỳ đài được lát đá xanh. Công trình đã được khánh thành ngày 09/02/2026, góp phần cải thiện đáng kể cảnh quan, môi trường và chất lượng không gian công cộng của khu vực.

Đối với khu di tích Đền Hóa Dạ Trạch, công tác chỉnh trang được triển khai theo hướng kết hợp giữa bảo tồn giá trị di sản và phát triển không gian du lịch. Công trình tu sửa cấp thiết các hạng mục phụ trợ có tổng mức đầu tư 19,5 tỷ đồng, đã cơ bản hoàn thành. Đồng thời, các tuyến đường kết nối khu di tích như đường thôn Yên Vĩnh, đường vào khu di tích Đền Hóa và đường giao thông nông thôn đoạn Kênh Tây – Châu Linh được đầu tư, nâng cấp, góp phần cải thiện khả năng tiếp cận, cảnh quan và điều kiện phục vụ người dân, du khách.

Về chỉnh trang cảnh quan và môi trường đô thị, công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang các tuyến đường trung tâm, khu vực công cộng và khuôn viên các công trình văn hóa được địa phương quan tâm. Trong quá trình chuẩn bị Lễ hội Đền Triệu Việt Vương năm 2026, xã đã thực hiện chỉnh trang cảnh quan khu vực đền thờ và các tuyến đường trung tâm, đồng thời tăng cường công tác vệ sinh môi trường, an toàn giao thông và an ninh trật tự. Đây là những hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong việc duy trì cảnh quan sạch đẹp, nâng cao ý thức cộng đồng và từng bước hình thành nếp sống đô thị văn minh.

Về kết quả tổng thể, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn đã tạo được một số chuyển biến rõ nét. Hệ thống giao thông từng bước được mở rộng và nâng cấp theo hướng đồng bộ; một số tuyến đường có quy mô lớn đã được đầu tư đồng bộ vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và dải phân cách; các khu dân cư mới từng bước được hình thành theo quy hoạch; các công trình văn hóa, lịch sử, nghĩa trang và không gian công cộng được cải tạo, góp phần nâng cao chất lượng cảnh quan. Đặc biệt, việc đầu tư tuyến ĐX.57 với tổng mức đầu tư 384 tỷ đồng, cùng các công trình cảnh quan và công cộng có quy mô lớn, cho thấy công tác chỉnh trang đã chuyển dần từ đầu tư đơn lẻ sang đầu tư theo tuyến, theo khu vực và có tính kết nối, phù hợp hơn với yêu cầu hình thành không gian đô thị.

Tuy nhiên, quá trình cải tạo và chỉnh trang vẫn còn một số hạn chế. Hạ tầng giữa các khu vực thuộc 04 đơn vị hành chính trước khi sắp xếp còn có sự khác biệt về chất lượng và mức độ đồng bộ; một số tuyến đường khu dân cư còn nhỏ, thiếu vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và hệ thống thoát nước đồng bộ. Các khu dân cư hiện hữu được hình thành từ trước nên việc mở rộng đường, chỉnh trang mặt đứng công trình, bố trí không gian công cộng và bổ sung hạ tầng kỹ thuật còn gặp khó khăn. Một số dự án mới đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng hoặc hoàn thiện thủ tục nên hiệu quả chỉnh trang chưa thể hiện đồng đều trên toàn địa bàn. Các vấn đề về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, bãi đỗ xe và không gian cây xanh công cộng cần tiếp tục được quan tâm đầu tư.

Trong giai đoạn tới, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị cần được thực hiện theo nguyên tắc đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và bám sát quy hoạch, ưu tiên hoàn thiện các tuyến giao thông khung, các trục chính đô thị và khu vực trung tâm; tiếp tục đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước, bãi đỗ xe và không gian công cộng. Đối với các khu dân cư hiện hữu, cần thực hiện chỉnh trang từng bước, bảo đảm kết nối với các khu dân cư mới; kiểm soát kiến trúc, cảnh quan và trật tự xây dựng; hạn chế phát triển tự phát. Đồng thời, cần gắn chỉnh trang đô thị với bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử, đặc biệt là cụm di tích Đền Triệu Việt Vương - Đền Hóa Dạ Trạch, tạo dựng các không gian cảnh quan đặc trưng và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Nhìn chung, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Triệu Việt Vương đã có bước chuyển biến tích cực, nhiều dự án quy mô lớn được triển khai, góp phần từng bước hình thành hệ thống hạ tầng và cảnh quan phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng không gian sống, tăng khả năng cung cấp dịch vụ đô thị và từng bước hoàn thiện các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan và môi trường.

2.4. Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch

Công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và kiểm soát phát triển không gian theo quy hoạch trên địa bàn xã Triệu Việt Vương trong thời gian qua đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình đô thị hóa. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã đã tập trung kiện toàn công tác quản lý nhà nước, tăng cường kiểm tra, giám sát tại cơ sở, đồng thời tiếp tục kế thừa và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các dự án đã được phê duyệt trên địa bàn. Công tác quản lý trật tự xây dựng được thực hiện gắn với quản lý đất đai,

hành lang giao thông, hành lang thủy lợi, đê điều và các khu vực có yêu cầu kiểm soát đặc biệt.

Trong quá trình phát triển, xã Triệu Việt Vương đang có tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, với sự xuất hiện của các dự án công nghiệp, khu dân cư, giao thông và dịch vụ quy mô lớn. Đặc biệt, Khu công nghiệp Tân Dân có quy mô gần 200 ha, trong đó khoảng 101 ha thuộc địa bàn xã Triệu Việt Vương, đã được phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000. Việc triển khai dự án đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản lý đất đai, kiểm soát xây dựng và quản lý không gian khu vực xung quanh dự án, nhằm bảo đảm các công trình xây dựng, khu dân cư và hoạt động sản xuất – kinh doanh phát triển đúng chức năng sử dụng đất và định hướng quy hoạch. Xã đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan đến đất đai, quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng và các yêu cầu trong quá trình triển khai dự án.

Công tác kiểm tra, giám sát trật tự xây dựng tại cơ sở được tăng cường. UBND xã thường xuyên chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, trưởng thôn và các lực lượng liên quan nắm bắt tình hình xây dựng, kịp thời phát hiện những trường hợp có dấu hiệu vi phạm để kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền. Tại các khu vực đang có biến động lớn về đất đai và đầu tư xây dựng, đặc biệt là khu vực có dự án công nghiệp, khu dân cư mới và các tuyến giao thông lớn, yêu cầu quản lý xây dựng được đặt ra ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án, giải phóng mặt bằng và giao đất. Qua đó góp phần hạn chế tình trạng xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng tự phát hoặc hình thành các công trình không phù hợp với định hướng tổ chức không gian.

Một trong những nội dung được địa phương đặc biệt chú trọng là kiểm soát xây dựng trên đất nông nghiệp và đất chưa được phép chuyển mục đích sử dụng. Trong các cuộc giao ban của xã, công tác quản lý đất đai và trật tự xây dựng được xác định là nhiệm vụ thường xuyên; chính quyền địa phương yêu cầu trưởng thôn tăng cường giám sát, kiên quyết không để xảy ra tình trạng xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp. Đây là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh giá trị đất đai và nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất có xu hướng tăng do quá trình đô thị hóa và triển khai các dự án công nghiệp, khu dân cư.

Công tác quản lý xây dựng tại các khu dân cư mới được thực hiện gắn với quy hoạch và thiết kế được duyệt. Đối với khu dân cư nông thôn mới Xuân Đình, các hộ trúng đấu giá quyền sử dụng đất được yêu cầu thực hiện xây dựng nhà ở theo đúng thiết kế và sơ đồ tổng mặt bằng quy hoạch được quy định trong phương án đấu giá. Quy định này tạo cơ sở để kiểm soát vị trí, quy mô, hình thức và các chỉ

tiêu xây dựng của công trình, từng bước hình thành các khu dân cư có tổ chức, hạn chế tình trạng xây dựng tùy tiện và góp phần tạo lập cảnh quan đồng bộ.

Đối với các khu vực phát triển mới, công tác quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo nguyên tắc xây dựng phải phù hợp mục đích sử dụng đất, quy hoạch được duyệt và các quy định về quản lý kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật. Các dự án phát triển công nghiệp, khu dân cư, giao thông, thương mại – dịch vụ khi triển khai đều phải thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư, xây dựng và môi trường theo quy định. Việc kiểm soát từ khâu quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng đến triển khai xây dựng góp phần hạn chế phát sinh các công trình không phù hợp quy hoạch, đồng thời bảo đảm sự đồng bộ giữa công trình xây dựng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Công tác quản lý hành lang giao thông, thủy lợi, đê điều và các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình cũng được chú trọng. Với đặc điểm địa bàn có hệ thống sông, kênh mương, đê điều và các khu vực tiêu thoát nước, xã đã xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ đê, phòng chống úng và bảo vệ các công trình thủy lợi. Trong nhiệm vụ năm 2026, xã xác định cần kiên quyết xử lý các vi phạm về đê điều, hành lang thoát nước và trật tự xây dựng, qua đó góp phần bảo đảm an toàn công trình, hạn chế tình trạng lấn chiếm không gian thoát nước và xây dựng ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực.

Bên cạnh đó, việc triển khai các dự án giao thông lớn trên địa bàn cũng góp phần hình thành cơ sở để kiểm soát không gian xây dựng theo các tuyến và trục phát triển. Đối với các khu vực dọc các tuyến giao thông chính, xã có điều kiện tổ chức lại không gian xây dựng, kiểm soát chỉ giới, hành lang giao thông, vị trí đấu nối và từng bước hình thành các tuyến phố có cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Đây là yếu tố quan trọng trong quá trình chuyển đổi từ không gian dân cư nông thôn sang không gian đô thị, hạn chế tình trạng phát triển nhà ở và công trình sản xuất – kinh doanh manh mún dọc các tuyến đường.

Tuy nhiên, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn vẫn còn một số khó khăn và hạn chế. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, trong khi một bộ phận khu dân cư được hình thành từ lâu với hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật và cấu trúc sử dụng đất chưa được tổ chức theo mô hình đô thị. Sự gia tăng nhu cầu xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, sản xuất – kinh doanh có thể tạo áp lực lớn đối với công tác kiểm tra và kiểm soát xây dựng. Việc quản lý tại các khu vực giáp ranh giữa đất ở, đất nông nghiệp và các khu vực dự kiến phát triển dự án cần được tăng cường nhằm phòng ngừa việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình không đúng quy hoạch. Thực tế tại các hội nghị giao ban của xã cho

thấy công tác quản lý đất đai, tiến độ công trình xây dựng, giải phóng mặt bằng và trật tự xây dựng vẫn là những nội dung cần tiếp tục được tập trung chỉ đạo.

Trong giai đoạn tới, để đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng đô thị loại III, xã Triệu Việt Vương cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch, trong đó lấy quy hoạch làm cơ sở chủ đạo để kiểm soát quá trình đầu tư xây dựng. Cần thường xuyên rà soát, công khai các đồ án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các khu vực được phép phát triển; xác định rõ các khu vực hạn chế xây dựng, khu vực bảo vệ hành lang giao thông, thủy lợi, đê điều và các khu vực có yêu cầu bảo vệ cảnh quan. Đồng thời, tăng cường kiểm tra từ sớm, từ xa, đặc biệt tại các khu vực đang có tốc độ đô thị hóa cao, khu vực quanh KCN Tân Dân, các khu dân cư mới và dọc các tuyến giao thông chính.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ quy hoạch và chuyển đổi số trong quản lý xây dựng, từng bước xây dựng cơ chế theo dõi biến động đất đai và công trình xây dựng trên nền bản đồ số. Tăng cường phối hợp giữa UBND xã, các thôn, cơ quan chuyên môn và chủ đầu tư dự án; thực hiện công khai thông tin quy hoạch để người dân dễ tiếp cận và giám sát. Đối với các công trình vi phạm, cần thực hiện kiểm tra, lập hồ sơ và xử lý kịp thời, bảo đảm tính nghiêm minh, tránh phát sinh vi phạm kéo dài hoặc hình thành điểm nóng về trật tự xây dựng. UBND xã đang triển khai Dự án xây dựng hệ thống dữ liệu thông minh bản đồ 2D và mô hình 3D sử dụng công nghệ UAV để phục vụ các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn xã Triệu Việt Vương, đặc biệt là công tác cấp GCNQSDĐ và quản lý trật tự xây dựng.

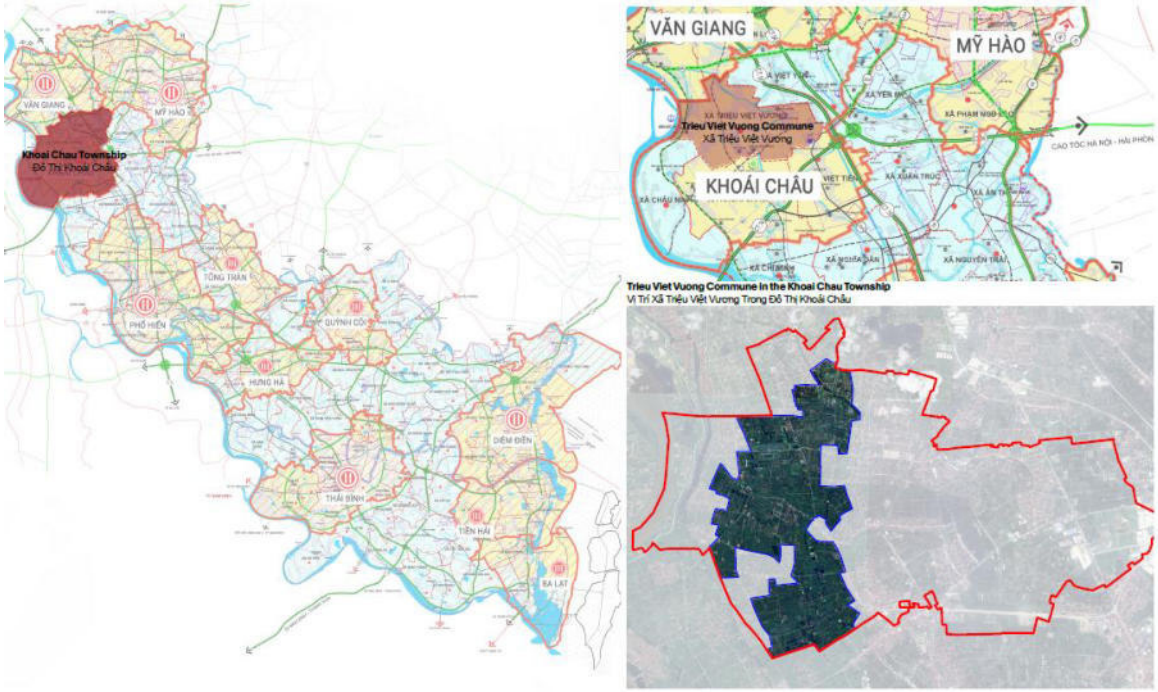
Nhìn chung, công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch trên địa bàn xã Triệu Việt Vương đã từng bước đi vào nền nếp, được gắn kết với quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, giao thông, thủy lợi và bảo vệ môi trường. Việc chính quyền địa phương xác định quản lý đất đai, trật tự xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời tăng cường kiểm tra tại các khu vực có biến động lớn về đất đai và xây dựng, là cơ sở quan trọng để kiểm soát quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển công nghiệp và đô thị trong giai đoạn mới, công tác này cần tiếp tục được nâng cao về tính chuyên nghiệp, tính chủ động và ứng dụng công nghệ.

2.5. Hiện trạng phát triển đô thị xã Triệu Việt Vương

2.5.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Khoái Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Triệu

Việt Vương thuộc Vùng định hướng phát triển không gian, hạ tầng xã hội, du lịch và dân cư dịch vụ được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, các khu dân cư đô thị được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, được cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; là khu trung tâm tiểu vùng giữa tỉnh; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Triệu Việt Vương còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Triệu Việt Vương có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Khoái Châu cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.



Hình 2: Vị trí mối liên hệ xã Triệu Việt Vương trong đô thị tỉnh Hưng Yên

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Triệu Việt Vương nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm

thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Triệu Việt Vương còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

2.5.2. Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội

2.5.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế

Với mục tiêu tập trung đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong những năm qua chính quyền và nhân dân xã Triệu Việt Vương đã nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội.

a) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế xã Triệu Việt Vương có chuyển biến tích cực. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Triệu Việt Vương năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.114,67 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.195,84 tỷ đồng, tăng 17,20%; thương mại - dịch vụ đạt 2.055,68 tỷ đồng, tăng 17,37%, nông - lâm - thủy sản đạt 420,48 tỷ đồng, giảm 6,60% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 9,93%, trong đó: năm 2023 tăng 7,00%, năm 2024 tăng 8,80% và năm 2025 tăng 14,00%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 44,00%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 47,00% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 9,00% trong cơ cấu kinh tế của xã.

b) Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2125 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã

Triệu Việt Vương năm 2025 đạt 1.262,42 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 1.176,02 tỷ đồng. Cân đối có dư.

c) Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 70,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 84,3 triệu đồng/người/năm.

d) Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Triệu Việt Vương là 0,59%, trong đó: năm 2023 là 0,70%, năm 2024 là 0,54% và năm 2025 là 0,39%.

đ) Phát triển các ngành, lĩnh vực

*** Sản xuất nông nghiệp**

Năm 2025, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tiếp tục duy trì phát triển ổn định, bảo đảm kế hoạch và tiến độ sản xuất đề ra. Công tác dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai chủ động; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng toàn năm đạt 1.577,3 ha (bao gồm diện tích cây lương thực, cây màu và cây ăn quả). Trong vụ xuân, địa phương đã triển khai hỗ trợ đưa vào sản xuất nhiều giống lúa chất lượng cao như Nếp Hưng Yên, Tiền Hải 1, VNR20,... góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Hiện nay, các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển ổn định; các vùng chuyên canh rau màu, cây ăn quả tiếp tục phát huy hiệu quả kinh tế, trong đó một số diện tích bưởi đang bước vào thời kỳ thu hoạch với năng suất dự kiến ổn định so với cùng kỳ. Các diện tích rau màu ngắn ngày đã cơ bản hoàn thành thu hoạch; những diện tích bị ảnh hưởng bởi mưa lớn đầu vụ đã được khắc phục và phục hồi sản xuất.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, không phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng. Tổng đàn trâu, bò đạt khoảng 450 con; tổng đàn lợn trên 6.500 con (không bao gồm lợn con theo mẹ); tổng đàn gia cầm khoảng 99.000 con. Công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tỷ lệ theo quy định, góp phần kiểm soát hiệu quả các loại dịch bệnh.

Hệ thống thủy lợi nội đồng được quan tâm đầu tư, duy tu và nạo vét thường xuyên, bảo đảm khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được triển khai chủ động; các phương

án, kế hoạch ứng phó với bão, lũ, ngập úng được xây dựng và tổ chức thực hiện kịp thời, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), địa phương đã đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn xã hiện có 14 hợp tác xã và 17 tổ hợp tác sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; quy hoạch 05 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư; có 48 trang trại và 100 gia trại đang hoạt động hiệu quả. Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả nổi bật. Đến nay, toàn bộ địa bàn đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các xã Ông Đình và Tân Dân (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 13 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Hệ thống hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư tương đối đồng bộ với 01 nhà máy nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân; tỷ lệ hộ dân đấu nối và sử dụng nước sạch đạt khoảng 87,15%.

***Kinh tế thương mại – dịch vụ**

Đến nay, trên địa bàn có hơn 245 doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế địa phương, mở rộng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm ổn định cho người lao động và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp.

Hoạt động thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Hệ thống cơ sở kinh doanh, dịch vụ ngày càng được mở rộng, đa dạng về loại hình và nâng cao chất lượng phục vụ. Công tác quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa được thực hiện hiệu quả, góp phần ổn định thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dung của người dân trong các dịp lễ, tết và các thời điểm cao điểm trong năm.

Các ngành nghề truyền thống tiếp tục được duy trì và phát huy giá trị. Trong đó, làng nghề sản xuất đậu phụ An Vĩ được bảo tồn và phát triển ổn định, không chỉ góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân mà còn giữ gìn bản sắc văn hóa, nghề truyền thống của địa phương.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Nguồn cung cấp điện trên địa bàn được bảo đảm ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

*Kinh tế công nghiệp và xây dựng

- Công nghiệp:

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trên địa bàn tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng được tăng cường; hoạt động thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được quan tâm thực hiện, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh. Tình hình kinh tế còn chịu sự biến động từ tình hình kinh tế thế giới và trong nước nên trong thời gian 6 tháng đầu năm các cơ sở sản xuất, các hộ kinh doanh cần chủ động trong sản xuất kinh doanh cho phù hợp với thị trường đáp ứng tình hình thực tế tại địa phương vừa đảm bảo phát triển kinh tế xã hội...

- Xây dựng cơ bản: Trong những năm qua, sự phát triển của các ngành kinh tế cùng với sự quan tâm và đầu tư trên địa bàn, nhiều công trình được nâng cấp, xây dựng đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành xây dựng cơ bản ở trên địa bàn thị xã Triệu Việt Vương.

2.5.2.2. Hiện trạng phát triển xã hội

a) Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn. Việc tổ chức lễ hội đầu năm được diễn ra an toàn, lành mạnh, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Duy trì công tác quản lý nhà nước đối với các di tích; tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng các di tích lịch sử văn hòa trên địa bàn.

Công tác văn hóa, khoa học và thông tin trong năm 2025 tiếp tục được Ủy ban nhân dân xã quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các đoàn thể, thôn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh và địa phương. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tiếp tục được duy trì; 98% hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, 100% thôn đạt thôn văn hóa. Hoạt động tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa được quan tâm; tổ chức tốt các lễ hội truyền thống bảo đảm an toàn, tiết kiệm, đúng quy định.

Công tác thông tin, tuyên truyền trên địa bàn được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống thông tin cơ sở

từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại, bảo đảm việc truyền tải thông tin nhanh chóng, chính xác và kịp thời đến người dân.

Hệ thống truyền thanh cơ sở sau khi được kiện toàn và nâng cấp đã phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và các phong trào thi đua yêu nước. Nội dung tuyên truyền được đổi mới, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng đối tượng, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

Hoạt động văn hóa, thông tin được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, Internet, trò chơi điện tử, karaoke và hoạt động quảng cáo được thực hiện thường xuyên; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các trường hợp vi phạm, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh và an toàn.

Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và công tác tuyên truyền từng bước được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Hệ thống thông tin cơ sở hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, quản lý và phục vụ cộng đồng dân cư trong điều kiện phát triển đô thị. Nhìn chung, công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý hoạt động văn hóa trên địa bàn được thực hiện hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

b) Công tác chính sách an sinh xã hội:

Công tác lao động, người có công và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước.

Công tác giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực được quan tâm thực hiện. Thông qua các chương trình đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ phát triển sản xuất, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn đạt khoảng 98%, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả gắn với các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình. Công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện thường xuyên, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định. Nhiều hộ dân đã được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu

đãi, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi và phát triển sinh kế, qua đó từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống và giảm nghèo bền vững.

Các chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội khác được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác chăm lo đời sống cho các đối tượng yếu thế trong xã hội luôn được quan tâm; việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được bảo đảm theo quy định, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và an sinh xã hội của người dân.

Công tác chăm sóc người có công với cách mạng và thân nhân người có công được thực hiện chu đáo, thể hiện truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc. Hiện nay, trên địa bàn có 635 đối tượng người có công và thân nhân liệt sĩ đang được quản lý, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định. Việc chi trả trợ cấp thường xuyên, thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, tết được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình chính sách.

Các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" được duy trì và triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân. Công tác quản lý, chăm sóc, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ được thực hiện thường xuyên, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và trách nhiệm xã hội cho các thế hệ.

Nhìn chung, hệ thống chính sách an sinh xã hội trên địa bàn được thực hiện hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ lao động có việc làm cao, các đối tượng chính sách và đối tượng yếu thế được chăm lo đầy đủ. Đây là nền tảng quan trọng góp phần bảo đảm ổn định xã hội, nâng cao chất lượng dân cư.

c) Công tác y tế:

Ngay từ đầu năm, UBND xã Triệu Việt Vương đã chỉ đạo trạm y tế xây dựng kế hoạch, kiện toàn ban chỉ đạo chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân cũng như xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở người trên địa bàn xã. Trạm y tế xã hướng dẫn các nhà trường công tác vệ sinh, khử khuẩn phòng chống dịch bệnh thủy đậu, sốt xuất huyết và cách ly các cháu bị bệnh. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong điều kiện phát triển đô thị.

Các cơ sở y tế trên địa bàn duy trì hoạt động ổn định, cơ sở vật chất và trang thiết bị từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ và hiện đại. Công tác khám, chữa bệnh được thực hiện hiệu quả, với trên 30.000 lượt người được khám và điều trị trong năm; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe cộng đồng và tiêm chủng được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Các chương trình y tế quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và phòng, chống các bệnh không lây nhiễm được triển khai đồng bộ, đạt và vượt các chỉ tiêu được giao. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, hiệu quả. Hệ thống giám sát dịch tễ được duy trì thường xuyên; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm như sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm mùa, COVID-19 và các bệnh truyền nhiễm khác được thực hiện kịp thời, đồng bộ. Trong những năm gần đây, trên địa bàn không phát sinh các ổ dịch lớn, bảo đảm môi trường sống an toàn cho Nhân dân.

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường thông qua việc kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống; ý thức chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh ngày càng được nâng cao. Trên địa bàn không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể nghiêm trọng.

Chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng an sinh xã hội. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,8% dân số; số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tiếp tục tăng qua các năm. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện thường xuyên, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế và các chính sách an sinh xã hội một cách thuận lợi.

Các chỉ tiêu về dân số và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 100%; tỷ lệ phụ nữ mang thai được quản lý và khám thai định kỳ đạt 100%; tỷ lệ sinh con thứ ba được duy trì ở mức thấp. Chương trình dân số và phát triển được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn.

Nhìn chung, hệ thống y tế và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của cộng đồng dân cư, góp phần nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội và tạo nền tảng quan trọng cho phát triển của địa phương.

d) Công tác giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch tương đối đồng bộ, bảo đảm nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đạt chuẩn và hiện đại.

Năm 2025, trên địa bàn có 14 cơ sở giáo dục (13 cơ sở công lập) thuộc các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở với tổng số 7.032 học sinh đang theo học. Thực hiện chủ trương sắp xếp mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, từ tháng 8/2026 xã Triệu Việt Vương còn 05 trường công lập, trong đó có 02 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học và 01 trường THCS. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tỷ lệ đạt chuẩn đạt 92%, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt 28%. Công tác phổ cập giáo dục và huy động học sinh đến trường được duy trì hiệu quả, với tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến lớp ở các cấp học luôn đạt mức cao.

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng lên. Các phong trào thi đua trong ngành giáo dục được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh được chú trọng, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và lành mạnh. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt trên 55%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học và tiếp tục theo học ở cấp học cao hơn đạt mức cao; tình trạng học sinh bỏ học được kiểm soát hiệu quả.

Nhìn chung, hệ thống giáo dục trên địa bàn phát triển tương đối toàn diện cả về quy mô, chất lượng và cơ sở vật chất, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của Nhân dân, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu phát triển đô thị.

Các chính sách về an sinh xã hội luôn được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện; đã tổ chức cấp phát, chi trả trợ cấp kịp thời cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định như: đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh, xã đã tận dụng tối đa các nguồn vốn đầu tư của Trung ương, của tỉnh, tập trung phát huy tiềm năng kinh tế trên cả 3 lĩnh vực, tập huấn và chuyển giao nâng cao khóa học kỹ thuật cho nhân dân sản xuất. Đồng thời, tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn giải quyết việc làm, vốn xóa đói giảm nghèo để mở rộng đầu tư phát triển sản xuất. Nắm bắt, theo dõi các hộ mới thoát

nghèo thuộc diện cận nghèo để kịp thời giúp đỡ họ ổn định sản xuất khi gặp khó khăn, không để xảy ra tình trạng tái nghèo. Nhờ đó, đến nay đời sống của nhân dân trên địa bàn có bước cải thiện đáng kể, nạn đói giáp hạt cơ bản được xóa bỏ và có nhiều hộ thoát nghèo vươn lên làm giàu chính đáng.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

2.5.2.3. Công tác Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, tăng cường; tiềm lực quốc phòng địa phương từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban Chỉ huy Quân sự địa phương được kiện toàn, hoạt động nền nếp, phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được quan tâm thực hiện, bảo đảm về số lượng, chất lượng và cơ cấu hợp lý; lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ, sẵn sàng huy động khi có yêu cầu. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm được triển khai đúng quy trình, đúng luật, bảo đảm công khai, dân chủ và hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về nghĩa vụ quân sự được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của công dân trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Công tác bảo đảm an ninh quốc gia trên địa bàn được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh và của cấp trên về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Công tác nắm tình hình, dự báo, phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh mạng và an ninh xã hội được thực hiện thường xuyên. Các lực lượng chức

năng duy trì tốt chế độ trực, tuần tra, kiểm soát; chủ động phát hiện, tham mưu xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh, không để hình thành các điểm nóng, các vụ việc phức tạp ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2.5.3. Hiện trạng dân số, mật độ dân số, đất đai, lao động

2.5.3.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, tại Công văn số 134/PC06 ngày 03/02/2026 về việc cung cấp số liệu dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, xã Triệu Việt Vương có tổng quy mô dân số là 44.927 người, trong đó dân số thường trú là 44.418 người và dân số tạm trú là 509 người.

Trên địa bàn xã Triệu Việt Vương chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo Quốc lộ và các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã. Dân cư xã Triệu Việt Vường phần lớn làm nông nghiệp một phần kết hợp với công nghiệp, dịch vụ.

2.5.3.2. Mật độ dân số

Mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên đạt 1.653 người/km^2. Mật độ dân số trên địa bàn xã phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan trung tâm, các trục đường chính thì mật độ cao hơn . Các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

2.5.3.3 Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Triệu Việt Vương là 2.717,68 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng đô thị là 775,41 ha chiếm 24,94 % và đất khác 1.942,27 ha chiếm 71,47%. Hiện trạng sử dụng đất xã Triệu Việt Vương, được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Thống kê hiện trạng sử dụng đất xã Triệu Việt Vương năm 2025

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ
	Diện tích đất tự nhiên	**2.717,68**	**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**775,41**	**28,53**
I	***Đất dân dụng***	***677,87***	***24,94***
1	Đất ở	283,25	10,42
2	Đất công trình công cộng	158,89	5,85
3	Đất cây xanh công cộng	9,79	0,93
4	Đất giao thông đối nội	225,94	7,75
II	***Đất ngoài dân dụng***	***97,54***	***3,59***
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	61,5	2,26
2	Giao thông đối ngoại	0,51	0,02
3	Đất cơ quan, trụ sở	1,71	0,06

4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,64	0,02
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	17,97	0,66
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	12,63	0,46
7	An ninh quốc phòng	2,58	0,09
B	**Đất khác**	**1.942,27**	**71,47**
1	Đất nông nghiệp	1.869,52	68,79
2	Đất đồi chưa sử dụng	0	0,00
3	Đất bằng chưa sử dụng	0	0,00
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	72,37	2,66
5	Đất khác	0,38	0,01

Nguồn: UBND xã Triệu Việt Vương

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 32.347 người, chiếm 72,00% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 29.153 người, chiếm tỷ lệ 90,13% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 7.207 người, chiếm tỷ lệ 24,72%; lao động công nghiệp và xây dựng là 14.622 người, chiếm tỷ lệ 50,16%; lao động thương mại - dịch vụ là 7.324 người, chiếm tỷ lệ 25,12%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 21.946 người, chiếm tỷ lệ 75,28%.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện chủ yếu đã qua trình độ học vấn và đặc biệt là trình độ chuyên môn kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm cho số người trong độ tuổi lao động được quan tâm. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cần chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn xã Triệu Việt Vương.

2.5.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

2.5.4.1. Hiện trạng phát triển công trình hạ tầng xã hội

a) Hiện trạng nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Triệu Việt Vương có quá trình hình thành và phát triển gắn với lịch sử cư trú lâu đời của các khu dân cư thuộc 04 đơn vị hành chính trước khi sắp xếp. Hiện nay, nhu cầu về nhà ở và phát triển các khu dân cư ngày càng tăng, đặc biệt trong bối cảnh địa phương đang đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thông qua việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và xây dựng công trình kiến trúc kiên cố cao

tầng. Tuy nhiên việc phát triển kiến trúc đô thị thiếu định hướng, thiếu bản sắc không xây dựng được thẩm mỹ đô thị và hình ảnh riêng cho đô thị.

Về nhà ở hiện hữu, phần lớn nhà ở trên địa bàn được hình thành tập trung trong các khu dân cư truyền thống, dọc các tuyến đường liên xã, liên thôn và các trục giao thông chính. Những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới, chất lượng nhà ở được cải thiện rõ rệt. Nhiều khu vực đã xuất hiện các công trình nhà ở kiên cố, nhà cao tầng có kiến trúc hiện đại; đường giao thông trong khu dân cư được cải tạo, mở rộng, cảnh quan từng bước được chỉnh trang. Thực tế tại địa phương cho thấy diện mạo nhiều khu dân cư đã có sự thay đổi theo hướng khang trang, văn minh hơn; một số khu dân cư đã đạt các tiêu chuẩn cao của chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó thôn Bãi Sậy 2 được công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.



Hình 3: Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã Triệu Việt Vương

Cơ cấu nhà ở đang có xu hướng chuyển dịch từ nhà ở nông thôn truyền thống sang nhà ở kiên cố, nhà ở kết hợp kinh doanh và nhà ở theo các khu dân cư được quy hoạch. Dọc các tuyến giao thông chính, đặc biệt tại các khu vực có hoạt động thương mại – dịch vụ, nhà ở thường kết hợp cửa hàng, dịch vụ, văn phòng và các hoạt động kinh doanh hộ gia đình. Xu hướng này phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đô thị hóa, song đồng thời đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý kiến trúc, mật độ xây dựng, khoảng lùi, đấu nối giao thông và cảnh quan tuyến phố.

Về chất lượng và hình thức kiến trúc nhà ở, nhìn chung nhà ở trên địa bàn ngày càng được kiên cố hóa, diện tích và tiện nghi sinh hoạt được cải thiện. Một bộ phận nhà ở đã chuyển sang dạng nhà 2–4 tầng, nhà phố kết hợp kinh doanh, phù hợp với đặc điểm dân cư có mật độ tương đối cao và xu hướng phát triển thương mại – dịch vụ. Tuy nhiên, giữa các khu vực vẫn còn sự khác biệt về chất lượng kiến trúc và hạ tầng. Các khu dân cư cũ còn tồn tại tình trạng nhà ở xây dựng theo từng thời kỳ, hình thức kiến trúc chưa đồng nhất; một số tuyến đường

trong khu dân cư có mặt cắt nhỏ, thiếu vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước đồng bộ. Đây là vấn đề cần tiếp tục được giải quyết khi chuyển từ mô hình khu dân cư nông thôn sang không gian đô thị.

Về quản lý và phát triển quỹ đất ở, xã đã bước đầu thực hiện theo hướng công khai, minh bạch thông qua việc lập phương án và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở. Các khu đất đấu giá được xác định trên cơ sở dự án hạ tầng kỹ thuật và tổng mặt bằng quy hoạch, qua đó tạo điều kiện hình thành các khu dân cư có hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật và phân lô tương đối đồng bộ. Việc phát triển nhà ở theo các khu dân cư được quy hoạch cũng tạo thuận lợi cho công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý kiến trúc và cung cấp dịch vụ đô thị.

Tuy nhiên, hiện trạng phát triển nhà ở vẫn còn một số hạn chế. Nhà ở tại các khu dân cư cũ chủ yếu hình thành theo quá trình phát triển tự nhiên, nên chưa thật sự đồng bộ về mật độ, tầng cao, khoảng lùi, kiến trúc và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Một số khu vực còn thiếu không gian cây xanh, sân chơi, bãi đỗ xe và các không gian công cộng phục vụ dân cư. Quá trình phát triển nhà ở dọc các tuyến giao thông có nguy cơ tạo áp lực lên giao thông, thoát nước và cảnh quan nếu không được kiểm soát chặt chẽ. Ngoài ra, sự phát triển của KCN Tân Dân và các hoạt động sản xuất – kinh doanh sẽ làm gia tăng nhu cầu nhà ở, đòi hỏi địa phương phải chủ động chuẩn bị quỹ đất và hạ tầng nhà ở trong dài hạn.

Trong giai đoạn tới, cần định hướng phát triển nhà ở theo mô hình tập trung, đồng bộ và gắn với quy hoạch đô thị, ưu tiên các khu dân cư mới có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; từng bước chỉnh trang, cải tạo các khu dân cư hiện hữu; kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng nhà ở dọc các tuyến giao thông chính và tại các khu vực có nguy cơ phát triển tự phát.

b) Cơ quan hành chính







Hình 4: Một số công trình trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn xã Triệu Việt Vương

Hệ thống công trình trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Triệu Việt Vương được hình thành từ các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp và hiện đang từng bước được tổ chức lại phù hợp với mô hình chính quyền địa phương mới. Hệ thống trụ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc, giao dịch hành chính và cung cấp các dịch vụ công cho người dân, đồng thời giữ vai trò là các hạt nhân tổ chức không gian công cộng, trung tâm hành chính – chính trị của xã.

Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Triệu Việt Vương là công trình hành chính quan trọng nhất, giữ vai trò trung tâm trong hệ thống công trình công cộng của địa phương. Sau khi xã Triệu Việt Vương được thành lập trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính trước đây, yêu cầu đặt ra là phải tổ chức lại không gian làm việc, bảo đảm điều kiện hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội. Việc tập trung các cơ quan tại khu vực trung tâm góp phần tạo lập một khu vực hành chính tương đối tập trung, thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch vụ hành chính công và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước... Các công trình chủ yếu có tầng cao 2 - 4 tầng, mật độ xây dựng 25 – 30%, hệ thống các công trình này được đầu tư mới trong những năm gần đây tương đối kiên cố, hiện đại đáp ứng nhu cầu sử dụng làm việc của các cán bộ trong khối các cơ quan hành chính này.



Hình 5: Trụ sở công trình Đảng ủy, HĐND, UBND xã Triệu Việt Vương

Bên cạnh trụ sở trung tâm, trên địa bàn xã vẫn tồn tại các cơ sở, trụ sở làm việc của các đơn vị thuộc các xã trước sắp xếp. Một số cơ sở có thể tiếp tục sử dụng làm địa điểm làm việc của các bộ phận chuyên môn, điểm giao dịch hành chính, kho lưu trữ, cơ sở sự nghiệp hoặc các chức năng công cộng khác. Việc tận dụng các cơ sở hiện có giúp hạn chế đầu tư mới trong ngắn hạn, giảm chi phí ngân sách và bảo đảm tính liên tục trong cung cấp dịch vụ hành chính cho người dân. Tuy nhiên, về lâu dài cần rà soát tổng thể để xác định rõ công năng từng cơ sở, tránh tình trạng sử dụng phân tán, chồng chéo hoặc để trống sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Về vị trí và khả năng tiếp cận, hệ thống trụ sở cơ quan cơ bản được bố trí tại các khu vực dân cư tập trung, gần các tuyến giao thông chính và thuận lợi cho việc đi lại của người dân. Tuy nhiên, do địa bàn xã được hình thành từ nhiều khu vực dân cư trước đây, khoảng cách tiếp cận giữa một số thôn với trung tâm hành chính xã còn tương đối lớn. Vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối, tổ chức các điểm cung cấp dịch vụ công phù hợp và đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số để giảm nhu cầu đi lại của người dân.

Về chất lượng công trình và cơ sở vật chất, các trụ sở cơ quan hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc thường xuyên. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng hoặc cải tạo trong những năm gần đây, có hệ thống phòng làm việc, phòng họp, khu vực tiếp công dân và các hạng mục phụ trợ. Tuy nhiên, do được xây dựng ở nhiều thời kỳ khác nhau nên chất lượng, quy mô, kiến trúc và mức độ đồng bộ của các công trình còn không đồng đều. Một số cơ sở cần tiếp tục cải tạo hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, khu vực đỗ xe, cây xanh và cảnh quan để đáp ứng tốt hơn yêu cầu hoạt động của một đơn vị hành chính có quy mô dân số lớn.

Nhìn chung, hệ thống công trình trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Triệu Việt Vương cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền và cung cấp dịch vụ hành chính cho người dân, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống công trình công cộng và cấu trúc không gian trung tâm của xã. Tuy nhiên, hệ thống hiện còn phân tán, được hình thành qua nhiều giai đoạn và có sự khác biệt về chất lượng cơ sở vật chất. Trong quá trình phát triển đô thị, cần tiếp tục rà soát, sắp xếp và khai thác hiệu quả quỹ nhà, đất công; ưu tiên cải tạo khu vực trụ sở trung tâm; nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe và cảnh quan; đồng thời chuyển đổi hợp lý các cơ sở dôi dư sang các chức năng công cộng thiết yếu.

Trong giai đoạn đến năm 2030 và định hướng dài hạn, cần tổ chức hệ thống trụ sở cơ quan theo hướng tập trung, hiện đại, thuận tiện, xanh và số hóa, gắn với trung tâm hành chính – dịch vụ đô thị. Việc bố trí các công trình cần bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông chính và các khu dân cư; đồng thời tạo lập không gian công cộng có chất lượng, góp phần nâng cao hình ảnh và cảnh quan khu vực trung tâm.

c) Công trình Y tế

Về mạng lưới cơ sở y tế, trên địa bàn hiện có Trạm Y tế xã Triệu Việt Vương Trụ sở chính đặt tại thôn Trung; ngoài Trụ sở chính còn các điểm trạm tại những khu vực thuộc các đơn vị hành chính trước đây như Trạm y tế Tân Dân, Trạm Y tế Ông Đình, Trạm Y tế Hàm Tử và Trạm Y tế Dạ Trạch. Việc duy trì các cơ sở này có ý nghĩa trong việc bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho dân cư trên địa bàn rộng, đồng thời tạo điều kiện từng bước tổ chức lại mạng lưới y tế phù hợp với quy mô dân số và cấu trúc không gian mới của xã.

Về chức năng phục vụ, Trạm Y tế xã đang thực hiện tương đối toàn diện các nhiệm vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trong năm 2026, Trạm đã triển khai phòng chống dịch, phun khử khuẩn, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và bố trí lực lượng y tế phục vụ các kỳ thi trên địa bàn. Trạm cũng tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người dân, đã tổ chức khám định kỳ cho người có công và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn, khám định kỳ cho 7.792 người cao tuổi trên địa bàn, 8.091 trẻ em dưới 18 tuổi tại các điểm trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, thực hiện đo chiều cao, cân nặng, đánh giá dinh dưỡng và sàng lọc một số bệnh lý thường gặp; khám định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn xã,... Những hoạt động này cho thấy cơ sở y tế đã phát huy vai trò là đầu mối chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng và quản lý sức khỏe cộng đồng.

Về cơ sở vật chất và công trình, hệ thống trạm y tế cơ bản có điều kiện phục vụ các hoạt động khám chữa bệnh ban đầu, tiêm chủng, phòng chống dịch, chăm sóc sức khỏe bà mẹ – trẻ em và quản lý sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, do các cơ sở được hình thành ở nhiều thời kỳ và thuộc các đơn vị hành chính cũ, quy mô, chất lượng xây dựng, diện tích sử dụng và mức độ đồng bộ về trang thiết bị giữa các cơ sở có khả năng còn khác nhau. Vì vậy, cần tiếp tục rà soát hiện trạng từng cơ sở để xác định chính xác diện tích đất, diện tích xây dựng, diện tích sàn, số phòng chức năng, số giường lưu, trang thiết bị và tình trạng công trình.



Hình 6: Hiện trạng công trình Trạm y tế xã Triệu Việt Vương

Về khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, hệ thống y tế hiện tại có ưu điểm là đã được tổ chức lại thống nhất dưới Trạm Y tế xã, đồng thời vẫn duy trì mạng lưới cơ sở tại các khu vực dân cư. Tuy nhiên, xã Triệu Việt Vương đang có quy mô dân số lớn và quá trình đô thị hóa nhanh, đồng thời hình thành các khu dân cư mới, khu vực sản xuất – kinh doanh và Khu công nghiệp Tân Dân. Khi các khu vực này phát triển, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân, người lao động và các đối tượng tạm trú sẽ tăng lên. Do đó, năng lực của hệ thống y tế hiện hữu cần được nâng cấp cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và khả năng cấp cứu ban đầu.

Các hoạt động y tế hàng năm được triển khai tích cực đồng bộ. Chương trình Quốc gia về phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt. Làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, khám chữa bệnh cho các đối tượng bảo hiểm y tế, triển khai công tác tiêm chủng mở rộng. Thực hiện tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh; thực hiện đầy đủ các biện pháp giám sát, phát hiện kịp thời các dịch bệnh để có kế hoạch phòng ngừa. Đồng thời, từng bước nâng dần chất lượng chuyên môn về công tác khám, chữa bệnh cũng như công tác dự phòng, để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

d) Công trình giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Triệu Việt Vương được hình thành từ mạng lưới trường học của các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp, hiện đang được tổ chức lại nhằm phù hợp với quy mô dân số, phạm vi địa bàn và yêu cầu phát triển mới. Theo rà soát của địa phương, hiện xã có 13 cơ sở giáo dục công lập, gồm 5 cơ sở giáo dục mầm non và 8 cơ sở giáo dục phổ thông. Trên cơ sở phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập của tỉnh, xã đang nghiên cứu phương án tổ chức lại còn 05 trường, gồm 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học và 01 trường THCS, nhằm sử dụng hiệu quả hơn cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

Về mạng lưới trường lớp, các cơ sở giáo dục hiện được phân bố tương đối rộng trên địa bàn, bám sát các khu dân cư hiện hữu và bảo đảm khả năng tiếp cận của học sinh. Mạng lưới này bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; đồng thời trên địa bàn còn có các trường trung học phổ thông phục vụ nhu cầu học tập của học sinh trong xã và khu vực lân cận. Việc duy trì mạng lưới trường học tại các khu dân cư có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm bán kính phục vụ, hạn chế việc học sinh phải di chuyển xa, đặc biệt đối với cấp mầm non và tiểu học.

Đối với giáo dục trung học phổ thông, trên địa bàn có Trường THPT Trần Quang Khải, là một trong những cơ sở giáo dục phổ thông quan trọng phục vụ học sinh của xã. Trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2026–2027, điểm thi được tổ chức tại Trường THPT Trần Quang Khải và xã đã chủ động phối hợp bảo đảm an ninh, giao thông, y tế và các điều kiện phục vụ kỳ thi. Điều này cho thấy hệ thống giáo dục cấp THPT trên địa bàn đã có cơ sở phục vụ tương đối ổn định.

Về chất lượng hoạt động giáo dục, các cơ sở giáo dục trên địa bàn đang duy trì hoạt động tương đối ổn định. Đội ngũ giáo viên được quan tâm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm học 2025–2026, xã đã tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp xã với 43 giáo viên tham gia từ các bậc học mầm non, tiểu học và THCS; kết quả có 42 giáo viên đạt thành tích cao và được trao giấy chứng nhận, phần thưởng. Đây là cơ sở cho thấy chất lượng đội ngũ giáo viên và phong trào chuyên môn trên địa bàn được quan tâm.





Hình 7: Trường Mầm Non trên địa bàn xã Triệu Việt Vương





Hình 8: Trường THCS trên địa bàn xã Triệu Việt Vương





Hình 9: Trường Tiểu học trên địa bàn xã Triệu Việt Vương

Về cơ sở vật chất trường học, mạng lưới trường hiện hữu cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy và học. Các trường từng bước được đầu tư phòng học, phòng chức năng, khu hành chính, sân chơi, bãi tập và các hạng mục phụ trợ. Tuy nhiên, do hệ thống gồm nhiều cơ sở được xây dựng trong các giai đoạn khác nhau, chất lượng và mức độ đồng bộ về cơ sở vật chất giữa các trường còn có sự chênh lệch. Một số cơ sở cần tiếp tục được cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng chức năng,

thư viện, nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập, hệ thống cấp thoát nước, cây xanh và các thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

Về quỹ đất và tổ chức không gian trường học, hệ thống cơ sở giáo dục hiện nay chủ yếu nằm trong hoặc gần các khu dân cư hiện hữu, thuận lợi cho học sinh tiếp cận. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và phát triển các khu dân cư mới sẽ làm thay đổi sự phân bố dân cư, kéo theo nhu cầu điều chỉnh mạng lưới trường lớp. Đặc biệt, sự hình thành và phát triển Khu công nghiệp Tân Dân cùng các khu dân cư mới sẽ làm gia tăng dân số cơ học, nhu cầu nhà ở và nhu cầu sử dụng trường học. Vì vậy, việc xác định quỹ đất giáo dục trong các khu vực phát triển mới cần được thực hiện đồng bộ ngay từ giai đoạn lập và điều chỉnh quy hoạch.

Bảng 2: Tổng hợp thống kê các công trình giáo dục & đào tạo xã Triệu Việt Vương

TT	Tên Trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)
	Tổng	**118.203**	**49.250**
I	**Trường THCS**	**43.692**	**18.306**
1	***Trường THCS Triệu Việt Vương***	***25.629***	***11.333***
	Điểm chính (thôn Bình An)	7.771	3.000
	Phân hiệu Hàm Tử	4.208	3.225
	Phân hiệu Dạ Trạch	3.474	1.600
	Phân hiệu Ông Đình	2.988	1.500
	Phân hiệu An Vĩ	7.189	2.008
II	**Trường Tiểu học**	**41.660**	**14.173**
1	***Trường Tiểu học Triệu Việt Vương 1***	***18.063***	***6.973***
	(Điểm chính thôn An Cảnh)	4.030	3.102
	Phân hiệu An Vĩ	8.789	2.371
	Phân hiệu Ông Đình	5.244	1.500
2	***Trường Tiểu học Triệu Việt Vương 2***	***23.597***	***7.200***
	(Điểm chính thôn Bãi Sậy 2)	9.838	3.500
	Phân hiệu Dạ Trạch	5.896	1.700
	Điểm trường tại thôn Bình An	7.863	2.000
III	**Trường Mầm non**	**20.372**	**12.471**
1	***Trường Mầm non Triệu Việt Vương 1***	***11.793***	***7.789***
	(Điểm chính thôn An Cảnh)	3.450	3.687
	phân hiệu Ông Đình (thôn Ông Đình)	2.500	1.000
	phân hiệu An Vĩ (thôn Trung)	5.143	3.014
	Điểm trường thôn An Thái	700	88
2	***Trường Mầm non Triệu Việt Vương 2***	***8.579***	***4.682***
	(Điểm chính thôn Thọ Bình)	2.767	1.000

TT	Tên Trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)
	Phân hiệu Dạ Trạch (Đức Nhuận Thượng)	755	755
	Điểm trường thôn Yên Vĩnh	1.000	1.548
	Điểm trường thôn Bãi Sậy 2	1.724	500
	Điểm trường thôn Dương Trạch	1.822	529
	Điểm trường thôn Bình An	511	350
IV	**Trường THPT, chuyên nghiệp**	***12.479***	***4.300***
1	Trường THPT Trần Quang Khải	12.479	4.300

Nguồn: UBND xã Triệu Việt Vương

Về việc sắp xếp mạng lưới trường học, chủ trương giảm số lượng đầu mối từ 13 cơ sở giáo dục công lập xuống còn 05 trường là hướng đi nhằm tập trung nguồn lực, hạn chế phân tán cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả quản lý. Quá trình sắp xếp, UBND xã đặc biệt quan tâm đến khoảng cách từ khu dân cư đến trường, quy mô học sinh, năng lực tiếp nhận của từng cơ sở, giao thông đưa đón học sinh và khả năng sử dụng các cơ sở trường học sau sắp xếp. Địa phương cũng xác định yêu cầu phải sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên và nâng cao chất lượng giáo dục trong quá trình sắp xếp.

Nhìn chung, hệ thống công trình giáo dục – đào tạo trên địa bàn xã Triệu Việt Vương cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập hiện tại và đang được địa phương quan tâm tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Với 13 cơ sở giáo dục công lập cũ, gồm 5 cơ sở mầm non và 8 cơ sở phổ thông, xã có mạng lưới giáo dục tương đối đầy đủ và phân bố gắn với các khu dân cư. Việc sắp xếp còn 05 trường là cơ hội để tập trung nguồn lực, nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần đồng thời có phương án bảo đảm bán kính phục vụ, xử lý cơ sở dôi dư, bổ sung quỹ đất giáo dục tại các khu dân cư mới và dự báo nhu cầu phát sinh do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

e) Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao trên địa bàn xã Triệu Việt Vương được hình thành và phát triển gắn với mạng lưới dân cư của các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp. Sau khi thành lập xã mới, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao tiếp tục được duy trì, khai thác và từng bước đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và phục vụ đời sống tinh thần của Nhân dân. Đây đồng thời là một bộ phận quan trọng trong hệ thống hạ tầng xã hội, góp phần hình thành không gian công cộng và tạo lập môi trường sống văn minh trong quá trình đô thị hóa.

Về hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, trên địa bàn xã có mạng lưới nhà văn hóa gắn với các thôn, đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền và các sự kiện chính trị tại cơ sở. Các nhà văn hóa thôn được sử dụng tương đối thường xuyên, trở thành địa điểm tổ chức các hoạt động cộng đồng và sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể. Trong năm 2026, Nhà văn hóa thôn An Cảnh được hoàn thành và đưa vào sử dụng, cho thấy địa phương đang tiếp tục quan tâm đầu tư hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở. Công trình được xây dựng trên khu đất hội trường thôn cũ, có khuôn viên hơn 1.000 m², quy mô 01 tầng, diện tích sàn khoảng 420 m², gồm hội trường, sân khấu, phòng chuẩn bị và phòng truyền thanh, với tổng mức đầu tư 10,8 tỷ đồng.

Về hoạt động văn hóa, các thiết chế hiện có được khai thác khá hiệu quả. Nhà văn hóa xã và nhà văn hóa các thôn được sử dụng để tổ chức hội nghị, tiếp xúc cử tri, các hoạt động văn nghệ, tuyên truyền và các sự kiện cộng đồng. Chẳng hạn, trong tháng 3/2026, các hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức tại nhiều địa điểm gồm Nhà văn hóa thôn Đức Nhuận Thượng, Nhà văn hóa An Vĩ cũ, Nhà văn hóa thôn An Cảnh, Hội trường Đảng ủy và Hội trường UBND xã. Điều này cho thấy mạng lưới thiết chế văn hóa phân bố tương đối rộng và có khả năng phục vụ trực tiếp các khu dân cư.



Hình 10: Nhà văn hóa thôn Thọ Bình



Hình 11: Nhà văn hóa thôn Dương Trạch

Đặc biệt, khu di tích Đền Triệu Việt Vương có vai trò vừa là công trình văn hóa – lịch sử, vừa là địa điểm tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống của địa phương. Trong công tác chuẩn bị Lễ hội Đền Triệu Việt Vương năm 2026, xã đã tổ chức rà soát hệ thống sân bãi, âm thanh, ánh sáng, trang trí và các khu vực tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và trò chơi dân gian. Điều này cho thấy các giá trị văn hóa truyền thống đang được khai thác gắn với không gian sinh hoạt cộng đồng và phát triển đời sống văn hóa của địa phương.





Hình 12: Khu di tích Đền Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên

Về hệ thống công trình thể dục thể thao, phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn phát triển tương đối mạnh, với các hoạt động được tổ chức thường xuyên tại các khu dân cư và cơ sở giáo dục. Trong Hội thao xã Triệu Việt Vương năm 2025, có hơn 1.000 vận động viên đến từ 20 thôn tham gia các nội dung bóng chuyền hơi nam, bóng chuyền hơi nữ, kéo co và thể dục dưỡng sinh dành cho người cao tuổi. Quy mô tham gia lớn cho thấy nhu cầu sử dụng các công trình thể thao công cộng trên địa bàn khá cao và phong trào thể thao quần chúng đã trở thành một hoạt động thường xuyên của cộng đồng.

Bên cạnh các sân thể thao tại khu dân cư, một số công trình thể thao được tích hợp trong các cơ sở giáo dục. Nhà thi đấu đa năng Trường Tiểu học Dạ Trạch đã được sử dụng để tổ chức Giải cầu lông Hè năm 2025 với hơn 200 vận động viên thuộc nhiều nhóm tuổi. Việc khai thác các công trình thể thao trong trường học phục vụ cộng đồng ngoài thời gian học tập góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và cơ sở vật chất thể thao.

f) Công trình thương mại dịch vụ

Về hệ thống công trình thương mại, trên địa bàn xã Triệu Việt Vương hiện đã hình thành mạng lưới mua bán và cung ứng hàng hóa tương đối đa dạng, bao gồm các chợ dân sinh, cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tự chọn, cơ sở kinh doanh tổng hợp và các hộ kinh doanh dịch vụ. Các cơ sở thương mại chủ yếu phân bố tại khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và dọc các tuyến giao thông chính như ĐT.377, ĐT.377B, ĐT.379, ĐT.383 và các tuyến đường huyện. Đây là các trục có khả năng tiếp tục phát triển thành các tuyến thương mại – dịch vụ chính của đô thị Triệu Việt Vương trong tương lai.

Về mạng lưới thương mại, hệ thống hiện nay chủ yếu gồm các chợ dân sinh, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện ích, cửa hàng vật liệu xây dựng, cơ sở kinh doanh hàng tiêu dùng, dịch vụ ăn uống và các hộ kinh doanh cá thể. Các điểm kinh doanh phân bố tương đối rộng, bám theo các tuyến đường

chính và khu dân cư. Qua khảo sát dữ liệu địa điểm thương mại hiện có, trên địa bàn và vùng phụ cận đã xuất hiện nhiều loại hình kinh doanh từ cửa hàng tiện ích, cửa hàng tổng hợp đến các cơ sở dịch vụ chuyên ngành. Điều này cho thấy hoạt động thương mại đang chuyển dần từ mô hình chợ truyền thống và hộ kinh doanh nhỏ lẻ sang mô hình đa dạng hơn.



Hình 13: Khu phố TM Phố Hiến



Hình 14: Siêu thị điện máy xanh

Bên cạnh các cơ sở kinh doanh, trên địa bàn cũng đã hình thành các loại hình cửa hàng bán lẻ và dịch vụ phục vụ trực tiếp dân cư. Sự xuất hiện của các cửa hàng tiện ích, cửa hàng tổng hợp và các cơ sở dịch vụ góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu mua sắm hàng hóa thiết yếu, ăn uống, sửa chữa, vận chuyển và các dịch vụ phục vụ đời sống. Thị trường cho thuê và sang nhượng cửa hàng, ki-ốt trên các tuyến đường của xã cũng đã hình thành, cho thấy nhu cầu sử dụng mặt bằng thương mại đang tăng lên cùng quá trình đô thị hóa.

2.5.4.2 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Triệu Việt Vương có vai trò quan trọng trong kết nối xã với các khu vực lân cận, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, đi lại của người dân và thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ. Mạng lưới giao thông hiện nay gồm các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường giao thông nông thôn, trong đó nổi bật là các tuyến ĐT.377, ĐT.377B, ĐT.379 và ĐT.383.

1. Mạng lưới giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 39A đoạn đi qua xã Triệu Việt Vương dài 0,09 km có lộ giới 23m, bề rộng phần xe chạy 12m.

- Đường ĐT.377 là một trong những tuyến giao thông quan trọng chạy qua địa bàn xã, kết nối Triệu Việt Vương với các khu vực lân cận dài khoảng 6,2 km mặt cắt đường 5,5-7m, định hướng cấp II đồng bằng, 4 làn xe. Hiện nay xã Triệu Việt Vương là Chủ đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp ĐT. 377 đoạn từ ngã ba Hàng

đến ngã tư Đông Tảo đang thi công nâng cấp mặt cắt đường lên 11m, bề rộng nền đường từ 12-17m.

- Đường ĐT.377B kết nối từ khu vực ngã ba Hàng đến hết dốc đê ĐT. 378, có vai trò kết nối các khu dân cư với mạng lưới giao thông đối ngoại và hỗ trợ phân bổ lưu lượng giao thông trong xã. Quy hoạch cấp II đồng bằng, 4 làn xe, chiều dài toàn tuyến khoảng 2,4 km.

- Đường ĐT.379 có vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển đô thị và công nghiệp, tuyến đi từ giáp xã Việt Yên qua ĐT.383 và tiếp tục đến hết địa phận Triệu Việt Vương. Các đoạn được quy hoạch theo cấp I–II, từ 4 đến 6 làn xe.

- Đường ĐT. 383 tiếp tục đóng vai trò kết nối Triệu Việt Vương với khu vực lân cận dài khoảng 3,1 km, mặt cắt đường 7 -9 m, quy hoạch cấp II đồng bằng, 4 làn xe.

- Đường ĐT. 383 và Đường kết nối di sản văn hoá du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng đóng vai trò kết nối Hà Nội – Hưng Yên nhằm phát triển văn hoá, du lịch, kinh tế, đoạn qua xã Triệu Việt Vương dài khoảng 2,2km xây dựng mới với quy mô đường cấp I đồng bằng với bề rộng nền đường từ 28-43m, hiện đang thi công.



Hình 15: Đường tỉnh 383



Hình 16: Đường tỉnh 377

Như vậy, Triệu Việt Vương có mạng lưới 5 tuyến đường tỉnh quan trọng (ĐT.377, ĐT.377B, ĐT.379, ĐT.383 và ĐT. 378 cùng tuyến Đường kết nối di sản văn hoá du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng), tạo cấu trúc giao thông tương đối thuận lợi cho phát triển đô thị.

Bảng 4: Thống kê hiện trạng giao thông trên địa bàn xã Triệu Việt Vương

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)

		(m)			
	Tổng cộng			**58,90**	**1.220.020**
I	**Cao tốc, Quốc lộ**			**0,09**	**2.070**
1	Quốc lộ 39	12	23	0,09	2.070
II	**Đường tỉnh**			**17,63**	**511.850**
1	ĐT.383	7	23	3,98	91.540
2	ĐT.379	11	38,5	2,64	101.640
3	ĐT.378	7,5	25	2,62	65.500
4	ĐT.377	5,5-7	33	6,02	198.660
5	ĐT.377B	7	23	2,37	54.510
III	**Đường trục xã**			**41,18**	**169.420**
1	Đường trục xã qua thôn Đức Nhuận Thượng	3-5	3-5	2,8	11.200
2	Đường trục xã qua thôn Yên Vĩnh	3-5	3-5	4,8	19.200
3	Đường trục xã qua thôn Xuân Đình	3-5	3-5	2,4	9.600
4	Đường trục xã qua thôn Hàm Tử	3-5	3-5	1,1	4.400
5	Đường trục xã qua thôn Đức Nhuận Hạ	3-5	3-5	1,08	4.320
6	Đường trục xã qua thôn An Cảnh	3-5	3-5	6	24.000
7	Đường trục xã qua thôn An Thái	3-5	3-5	1,2	4.800
8	Đường trục xã qua thôn Hạ	3-5	3-5	4	16.000
9	Đường trục xã qua thôn Trung	3-5	3-5	3,1	12.400
10	Đường trục xã qua thôn Thượng	3-5	3-5	2,6	10.400
11	Đường trục xã qua thôn Bãi Sậy	3-5	3-5	3,2	12.800
12	Đường trục xã qua thôn Bình Dân	3-5	3-5	2,1	8.400
13	Đường trục xã qua thôn Thọ Bình	3-5	3-5	4,7	23.500
14	Đường trục xã qua thôn Dương Trạch	3-5	3-5	1,5	6.000
15	Đường trục xã qua thôn An Dân	3-5	3-5	0,6	2.400
IV	**Đường trục thôn**	**3-5**	**3-5**	**134,17**	**536.680**

Nguồn: UBND xã Triệu Việt Vương

** Giao thông đối nội*

Mạng lưới đường xã, đường thôn và đường dân cư đã được hình thành tương đối rộng, kết nối các thôn với các tuyến đường tỉnh. Tuy nhiên, chất lượng và mặt cắt đường chưa đồng đều. Một số tuyến trong khu dân cư còn có mặt cắt nhỏ, thiếu vỉa hè, hệ thống thoát nước và chiếu sáng đồng bộ. Theo dữ liệu giá đất năm 2026, tại các khu dân cư của xã vẫn tồn tại nhóm đường có bề rộng từ 3,5 m đến dưới 7 m. Đây là dấu hiệu cho thấy mạng lưới đường nội bộ ở một số khu vực vẫn còn hạn chế về mặt cắt, đặc biệt khi lưu lượng giao thông tăng theo quá trình đô thị hóa



Hình 16: Đường giao thông đô thị trên địa bàn xã

- Đường đô thị: đang được đầu tư với mặt đường rộng 7,5m tuy nhiên nhiều đoạn chưa có vỉa hè, mật độ đường đô thị chưa cao.

- Đường trục xã: chiều rộng trung bình mặt đường từ 3-5m, nền đường 4-6m.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn xã Triệu Việt Vương hiện nay chủ yếu dựa vào hệ thống kênh, mương thủy lợi, ao hồ, rãnh thoát nước dọc đường giao thông và các tuyến tiêu thoát nước tự nhiên. Nên hệ thống tiêu thoát nước có tính phân tán và chưa đồng bộ giữa các khu vực.

Khu vực dân cư hiện hữu cơ bản sử dụng rãnh, cống dọc đường và hệ thống kênh tiêu thủy lợi để thu gom, dẫn nước mưa. Ở các khu vực sản xuất nông nghiệp, nước mưa chủ yếu được tiêu qua hệ thống mương nội đồng, kênh tiêu và các trạm bơm tiêu úng. Trong khi đó, tại các khu dân cư tập trung và dọc các tuyến giao thông chính, hệ thống cống/rãnh thoát nước đã được đầu tư từng bước nhưng chưa hình thành mạng lưới thoát nước mưa đô thị hoàn chỉnh, liên tục và đồng bộ.

Bên cạnh đó, Quá trình đô thị hóa đang tạo áp lực ngày càng lớn lên hệ thống thoát nước. Việc hình thành các khu dân cư mới, đường giao thông, khu công nghiệp và các công trình xây dựng làm tăng diện tích bề mặt không thấm nước, từ đó tăng nhanh lưu lượng dòng chảy mặt trong thời gian mưa.

Đặc biệt, xã đang có định hướng phát triển công nghiệp và đô thị mạnh; Khu công nghiệp Tân Dân và các khu vực phát triển mới sẽ làm gia tăng nhu cầu hoàn thiện hệ thống thoát nước. Tỉnh cũng đã yêu cầu xã tiếp tục hoàn thiện quy hoạch tổng thể để phù hợp quy hoạch chung, trong đó phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ và hướng tới mục tiêu nâng cấp đô thị.

Một hạn chế hiện nay là cống/rãnh thoát nước tại một số khu dân cư chưa có khả năng tiếp nhận lượng nước lớn, một số tuyến còn phụ thuộc vào mương tiêu nông nghiệp. Việc kết nối giữa hệ thống thoát nước đường giao thông với hệ thống kênh tiêu chưa hoàn toàn đồng bộ.

c) Hiện trạng cấp nước

Hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Triệu Việt Vương đang từng bước được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt thiết yếu của người dân. Hệ thống cấp nước hiện nay gồm các khu vực được cấp nước tập trung thông qua mạng lưới đường ống và các nguồn cấp nước quy mô hộ gia đình tại một số khu vực dân cư. Các chương trình hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được triển khai, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận nước sạch của người dân.

Tuy nhiên, hệ thống cấp nước hiện trạng chưa hoàn toàn đồng bộ giữa các khu vực. Một số khu dân cư hình thành từ lâu còn phụ thuộc vào các công trình cấp nước quy mô hộ gia đình; mạng lưới đường ống tại một số khu vực chưa được kết nối đồng bộ, khả năng cấp nước ổn định và áp lực nước cần tiếp tục được rà soát. Bên cạnh đó, số liệu điều tra hiện trạng về tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, công suất nguồn cấp, chiều dài mạng lưới và tỷ lệ thất thoát nước cần được cập nhật đầy đủ để phục vụ đánh giá chính xác theo các tiêu chí đô thị.

Các hệ thống cấp nước tập trung này được xây dựng và vận hành một cách hiện đại và hiệu quả. Mỗi trạm cấp nước đều được trang bị công nghệ tiên tiến để xử lý và cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn. Nguồn nước ngầm và nước mặt sông Hồng đều được khai thác và xử lý cẩn thận để đảm bảo an toàn vệ sinh và chất lượng nước trước khi phân phối đến người dân. Sự đầu tư và quản lý chặt chẽ này giúp đảm bảo nguồn nước cung cấp luôn đạt tiêu chuẩn, phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của cư dân.

Khả năng cung cấp nước hiện tại của hệ thống cấp nước đối với xã Triệu Việt Vương đạt mức 100 lít/người/ngày đêm. Gần 100% dân cư khu vực trên địa bàn xã có nước sạch sử dụng, trong đó khoảng 80% người dân được dùng nước sạch từ nhà máy cấp nước tập trung còn lại 20% người dân được dùng nước ngầm từ giếng khoan hộ gia đình.

d) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- *Thoát nước thải:*

*Thoát nước thải sinh hoạt

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn xã Triệu Việt Vương hiện chưa được đầu tư đồng bộ theo mô hình thoát nước đô thị. Tại các khu dân cư hiện hữu, nước thải sinh hoạt chủ yếu được thu gom chung hoặc thoát qua hệ thống rãnh, cống khu dân cư và sau đó dẫn vào hệ thống tiêu thoát nước chung. Nước thải từ các hộ gia đình phần lớn được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống chung. Tuy nhiên, chưa hình thành mạng lưới thu gom nước thải riêng và các trạm xử lý nước thải tập trung có quy mô cấp xã/đô thị.

Đây là vấn đề đã được xác định là một trong những nhiệm vụ cần ưu tiên khi xã phát triển theo hướng đô thị. Tại Đại hội Đảng bộ xã Triệu Việt Vương lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030, tỉnh đã yêu cầu xã tập trung xây dựng các điểm thu gom, xử lý nước thải bảo đảm vệ sinh môi trường tại các thôn.

Với dân số lớn và quá trình đô thị hóa nhanh, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ngày càng tăng. Sự phát triển của Khu công nghiệp Tân Dân, các khu dân cư mới, cơ sở thương mại – dịch vụ và các cơ sở sản xuất sẽ tiếp tục làm gia tăng lượng nước thải, đòi hỏi phải xây dựng hệ thống thu gom và xử lý phù hợp.

* Thoát nước thải các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Nước thải từ các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần được xử lý kỹ lưỡng để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp này phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung. Việc này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn đảm bảo an toàn cho sức khỏe cộng đồng, ngăn ngừa các tác động tiêu cực từ chất thải công nghiệp.

➢ *Chất thải rắn (CTR), nghĩa trang:*

- Công tác thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã đã được quan tâm triển khai. Chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ hộ gia đình, chợ, trường học, công trình công cộng, cơ sở thương mại – dịch vụ và hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, công tác thu gom và xử lý chất thải rắn vẫn còn một số hạn chế. Ý kiến cử tri tại xã trong năm 2025 đã phản ánh trực tiếp vấn đề rác thải gây ô nhiễm môi trường, đồng thời đề nghị chính quyền tăng cường xử lý. Điều này cho thấy công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác tại một số khu vực vẫn cần tiếp tục hoàn thiện.

- Bên cạnh đó, xã đang triển khai các hoạt động nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tháng 7/2026, Hội Nông dân xã đã thành lập Câu lạc bộ "Nông dân bảo vệ môi trường" tại thôn Dương Trạch với 50 thành viên, góp phần nâng cao nhận thức và huy động cộng đồng tham gia thu gom, phân loại và hạn

chế chất thải ra môi trường. Một điểm tích cực là trên địa bàn đã có doanh nghiệp đăng ký ngành nghề thu gom, xử lý và tái chế chất thải, cho thấy bước đầu đã hình thành năng lực dịch vụ môi trường tại địa phương. Tuy nhiên, việc doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề không đồng nghĩa với việc toàn bộ rác thải của xã đã được đơn vị này thu gom, xử lý.

- Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn xã chủ yếu gồm các nghĩa trang nhân dân gắn với các thôn/khu dân cư và nghĩa trang liệt sĩ. Các nghĩa trang hiện hữu cơ bản đáp ứng nhu cầu mai táng của cộng đồng dân cư, tuy nhiên quy mô, cơ sở hạ tầng và mức độ quản lý giữa các khu vực chưa đồng đều.

Đáng chú ý, Nghĩa trang liệt sĩ Dạ Trạch đã được cải tạo, nâng cấp và khánh thành ngày 09/02/2026. Công trình có diện tích khoảng 4.180 m², tổng mức đầu tư 14,8 tỷ đồng, gồm tượng đài, 2 nhà bia, khu mộ, nhà hóa vàng, tường rào, hệ thống thoát nước và chiếu sáng đồng bộ. Đây là công trình có chất lượng cảnh quan và hạ tầng tốt, đáp ứng yêu cầu về một công trình tưởng niệm cấp địa phương. Tuy nhiên, đối với nghĩa trang nhân dân, cần tiếp tục rà soát về quy mô đất, khả năng đáp ứng nhu cầu mai táng, khoảng cách an toàn môi trường, hệ thống giao thông nội bộ, thoát nước, cây xanh cách ly, khu vực hung táng – cát táng và khả năng mở rộng. Việc cử tri xã đề nghị bổ sung quy hoạch nghĩa trang cũng cho thấy nhu cầu thực tế về quy hoạch và mở rộng quỹ đất nghĩa trang đang đặt ra. Khu vực xã Triệu Việt Vương chưa có nhà tang lễ, tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng đạt 12,5%.

e) Hiện trạng cấp điện

Hệ thống cấp điện trên địa bàn xã Triệu Việt Vương hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, thương mại – dịch vụ và các hoạt động kinh tế - xã hội. Hệ thống điện của xã được kết nối với mạng lưới điện khu vực Khoái Châu, trong đó Trạm biến áp 110/35/22kV Khoái Châu là nguồn cấp quan trọng. Đối với khu vực công nghiệp, Khu công nghiệp Tân Dân được định hướng lấy điện từ Trạm biến áp 110/35/22kV Khoái Châu, nằm cách hàng rào phía Tây khu công nghiệp khoảng 200 m; trạm được dự kiến nâng quy mô lên 3 máy biến áp gồm 1 máy 40 MVA và 2 máy 63 MVA, tạo điều kiện bảo đảm nguồn điện cho quá trình phát triển công nghiệp trong tương lai.

Mạng lưới điện trung áp và hạ áp trên địa bàn được hình thành tương đối rộng, bao phủ các khu dân cư và các khu vực sản xuất. Trên địa bàn các xã cũ đã có các tuyến điện 35 kV, 22 kV và hệ thống trạm biến áp phân phối. Riêng khu vực An Vĩ trước khi sáp nhập có 11 trạm biến áp với tổng công suất 3.330 kVA. Trong quá trình vận hành, một số vị trí trạm biến áp đã được ngành điện kiểm tra, cải tạo nhằm bảo đảm an toàn; điển hình trạm biến áp thôn Trung công suất 320

kVA-35/0,4 kV đã được di chuyển sang vị trí mới và đóng điện đưa vào vận hành từ ngày 30/3/2024.

Nhìn chung, hệ thống cấp điện hiện trạng có ưu điểm là đã hình thành mạng lưới tương đối hoàn chỉnh, nguồn điện khu vực có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng hiện tại và có điều kiện mở rộng công suất trong tương lai. Tuy nhiên, một số tuyến đường dây hạ áp, nhánh cấp điện và trạm biến áp được đầu tư từ các giai đoạn trước cần tiếp tục cải tạo, nâng công suất và thay thế thiết bị để phù hợp với tốc độ gia tăng phụ tải. Đặc biệt, quá trình đô thị hóa, xây dựng các khu dân cư mới, phát triển thương mại – dịch vụ và Khu công nghiệp Tân Dân sẽ làm phụ tải điện tăng nhanh, đòi hỏi phải có phương án phát triển nguồn và lưới điện đồng bộ, bảo đảm cấp điện liên tục, an toàn và ổn định.

Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục cải tạo và nâng cấp mạng lưới điện trung áp, hạ áp; bổ sung các trạm biến áp phân phối tại các khu vực có mật độ dân cư cao và các khu vực phát triển mới; từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây tại các tuyến phố, khu đô thị và khu vực trung tâm; đồng thời hoàn thiện hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông và bảo đảm hành lang an toàn lưới điện. Đối với Khu công nghiệp Tân Dân và các khu vực công nghiệp, dịch vụ tập trung cần bố trí hệ thống cấp điện riêng, có dự phòng công suất và khả năng mở rộng phù hợp với nhu cầu phát triển.

Lưới chiếu sáng

Lưới chiếu sáng đã được xây dựng trên các trục đường và một số tuyến đường chính khu vực, hình thức chủ yếu là bóng đèn natri cao áp 220V-200W cột đèn độc lập bằng thép mạ kẽm. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư còn hạn chế. Chưa có chiếu sáng trang trí cho các khu vực vườn hoa cây xanh.

* Lưới điện trung thế

- Lưới điện trung thế 35kv trong khu vực có chiều dài khoảng 24,5km. Khu vực quy hoạch có khoảng 60 trạm biến áp cấp điện cho khu vực dân cư và khu công nghiệp.

- Mạng lưới chiếu sáng khu vực mở rộng đã được chú ý đầu tư xây dựng.

- Về tình hình cung cấp điện: Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm tăng nhanh. Về cơ cấu tiêu thụ điện thì thành phần tiêu dùng dân cư chiếm tỷ trọng rất lớn trong đó chủ yếu là sinh hoạt. Tỷ lệ số hộ dân sử dụng điện lưới đạt 100%.

f) Hiện trạng thông tin liên lạc, bưu điện

Hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính và viễn thông trên địa bàn xã Triệu Việt Vương hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của người dân, cơ

quan, doanh nghiệp và các hoạt động sản xuất – kinh doanh. Hệ thống viễn thông của xã được kết nối với mạng viễn thông chung của tỉnh Hưng Yên, bao gồm mạng điện thoại di động, mạng Internet băng rộng và mạng truyền dẫn dữ liệu. Các dịch vụ viễn thông ngày càng đa dạng, với Internet cáp quang, điện thoại di động và các dịch vụ dữ liệu tốc độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin và sử dụng các dịch vụ số.

Hạ tầng thông tin di động trên địa bàn được hưởng lợi từ mạng lưới trạm thu phát sóng phát triển tương đối rộng của tỉnh Hưng Yên. Các nhà mạng lớn đang cung cấp dịch vụ thông tin di động, trong đó mạng 4G đã được triển khai rộng và hạ tầng 5G đang tiếp tục được phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng thông tin liên lạc, phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng đô thị thông minh và các dịch vụ số phục vụ người dân.

Đối với hạ tầng Internet cố định, mạng cáp quang đã được triển khai phục vụ các khu dân cư và cơ quan trên địa bàn. Đáng chú ý, UBND xã đang từng bước đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số; trong năm 2026 đã triển khai hệ thống điểm phát sóng Wi-Fi công cộng, đồng thời đầu tư hạ tầng mạng nội bộ LAN và an toàn thông tin cho hoạt động của cơ quan xã. Điều này cho thấy hạ tầng thông tin đang chuyển dần từ mô hình phục vụ liên lạc truyền thống sang hạ tầng số phục vụ quản trị và phát triển đô thị.

Hệ thống bưu chính trên địa bàn được kết nối với mạng lưới bưu chính của tỉnh, đáp ứng nhu cầu chuyển phát thư tín, bưu phẩm, hàng hóa và các dịch vụ bưu chính công ích. Mạng lưới vận chuyển bưu chính của tỉnh hiện được tổ chức rộng khắp đến các xã, phường, với tần suất vận chuyển từ trung tâm tỉnh đến trung tâm xã, phường bình quân khoảng 1–2 chuyến/ngày. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát cụ thể số lượng điểm phục vụ bưu chính, cơ sở vật chất và bán kính phục vụ tại Triệu Việt Vương để bổ sung số liệu phục vụ hồ sơ đánh giá đô thị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hạ tầng thông tin liên lạc trên địa bàn vẫn còn một số hạn chế. Mạng cáp viễn thông tại các khu dân cư hiện hữu còn chủ yếu đi nổi trên hệ thống cột, gây ảnh hưởng nhất định đến mỹ quan và cảnh quan đô thị; mức độ ngầm hóa chưa đồng bộ. Hệ thống trạm phát sóng và mạng cáp cần tiếp tục được nâng cấp tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao, các khu dân cư mới, khu vực thương mại – dịch vụ và Khu công nghiệp Tân Dân nhằm bảo đảm chất lượng dịch vụ khi dân số và nhu cầu sử dụng dữ liệu tăng lên.

Nhìn chung, hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông và bưu chính của xã Triệu Việt Vương cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại và có khả năng nâng cấp để

phục vụ quá trình đô thị hóa. Trong giai đoạn tới cần ưu tiên phát triển mạng cáp quang tốc độ cao, mở rộng vùng phủ 4G/5G, tăng cường các trạm BTS tại khu vực phát triển mới, từng bước ngầm hóa cáp viễn thông tại khu vực trung tâm và các tuyến phố chính; đồng thời mở rộng Wi-Fi công cộng, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính và hạ tầng số. Việc hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc sẽ góp phần quan trọng xây dựng Triệu Việt Vương trở thành khu vực đô thị hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và quản lý đô thị theo hướng thông minh.

3. Đánh giá phân loại xã Triệu Việt Vương so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

3.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông

- Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Khoái Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Triệu Việt Vương thuộc Vùng định hướng phát triển không gian, hạ tầng xã hội, du lịch và dân cư dịch vụ được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, các khu dân cư đô thị được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, được cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; là khu trung tâm tiểu vùng giữa tỉnh; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Triệu Việt Vương còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Triệu Việt Vương có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Khoái Châu cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.

- Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Triệu Việt Vương nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu

vực đồng bằng ven biển; là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Triệu Việt Vương còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

Như vậy xã Triệu Việt Vương có vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông cấp tỉnh.

→ Đánh giá vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực cấp Tỉnh, đạt 7,0/7,0 điểm.

2. Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối

Xã Triệu Việt Vương có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị và mạng lưới các điểm dân cư trên địa bàn, giữ vai trò là đô thị trung tâm của khu vực, là nơi tập trung các chức năng hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật có tính chất đầu mối phục vụ dân cư trong đô thị và khu vực lân cận.

Xã đã hình thành tương đối rõ khu vực trung tâm hành chính - chính trị, tập trung trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, đoàn thể và các đơn vị sự nghiệp; đồng thời đã đầu tư xây dựng hệ thống các công trình công cộng, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Các công trình này tạo thành hạt nhân trung tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ và thực hiện chức năng quản lý hành chính cho phạm vi đô thị và khu vực xung quanh.

Về chức năng kinh tế - xã hội, xã là đầu mối tập trung các hoạt động thương mại, dịch vụ, giao dịch hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa và các hoạt động phục vụ sản xuất, đời sống của người dân. Sự tập trung của các cơ quan hành chính, cơ sở dịch vụ và công trình công cộng tạo điều kiện hình thành khu vực trung tâm có sức hút đối với dân cư, lao động và các hoạt động kinh tế từ các xã, khu dân cư lân cận.

Về giao thông và liên kết vùng, xã nằm trên các tuyến giao thông có vai trò kết nối với các khu vực lân cận: Quốc lộ 39; ĐT.383; ĐT.379; ĐT.378; ĐT.377; ĐT.377B... tạo điều kiện thuận lợi cho luân chuyển hàng hóa, dịch vụ và tiếp cận các công trình đầu mối. Hệ thống đường giao thông đối ngoại và mạng lưới giao thông đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp, tạo sự liên kết giữa khu vực trung tâm với các khu chức năng, khu dân cư và các xã địa bàn xung quanh.

Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống công trình hành chính và hạ tầng đô thị đã được đầu tư, cùng với chức năng tập trung các hoạt động kinh tế - xã hội và khả năng kết nối với các khu vực lân cận, đô thị có đủ cơ sở để xác định là một trong những trung tâm và đầu mối kết nối quan trọng của khu vực, đóng vai trò hạt nhân trong tổ chức không gian phát triển đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn

→ Đánh giá vai trò, vị trí đô thị trung tâm cấp xã đạt 6,0/8,0 điểm.

→ ***Tổng điểm tiêu chí 1: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,0/15,0 điểm.***

3.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hoá

1. Quy mô dân số đô thị

Dân số thường trú trên địa bàn khu vực xã Triệu Việt Vương là 44.418 người và dân số tạm trú quy đổi là 509 người (bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại đô thị, lao động tạm trú làm việc và doanh nghiệp sản xuất tạm trú và lực lượng tạm trú khác có thời gian tạm trú trung bình 07 ngày). Tổng dân số toàn xã Triệu Việt Vương là 44.927 người so với quy định của đô thị loại III từ 20.000-200.000 người đánh giá đạt 5,71/7,00 điểm.

2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn khu vực xã Triệu Việt Vương đã bao gồm quy đổi là 44.927 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 27,17 km^2. Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự nhiên là 44.927 người/27,17 km^2 đạt 1.653 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 500 đến 1.000 người/km2, đánh giá đạt điểm 6,00/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại) là: 29.153 người.

Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ - thương mại là 21.946 người.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là: K = 21.946/29.153 người, đạt 75,3%, (tiêu chuẩn quy định từ 55% đến 65%). Đánh giá đạt 7,00/7,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2 mức độ đô thị hoá đạt 18,71/15,0 điểm

3.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Đầu mối giao thông

Mạng lưới giao thông vận tải của xã Triệu Việt Vương chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Có tuyến đường giao thông đối ngoại như: Quốc lộ 39; ĐT.383; ĐT.379; ĐT.378; ĐT.377; ĐT.377B chạy qua; Tuy nhiên trên địa bàn xã hiện nay không có các loại hình đầu mối gioa thông như: Cảng hàng không; Cảng đường thủy, Cảng cạn, ga đường sắt, Bến xe liên tỉnh. Đánh giá đầu mối giao thông chưa đạt điểm 0/4,0 điểm.

b) Mật độ đường giao thông đô thị

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Triệu Việt Vương là 58,90 km. Diện tích đất xây dựng đô thị là 7,75 km^2. Mật độ đường giao thông chính đô thị là 58,90 km/7,75 km^2 đạt 7,60 km/km^2 (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 3 - 3,5km/km^2). Đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về giao thông đạt: 5,0/9,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực xã Triệu Việt Vương đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, nước sạch tập trung được cấp từ Nhà máy nước sạch Dạ Trạch và nhà máy nước Khoái Châu. Tổng dân số toàn xã là 44.927 người. Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 39.154 người. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 39.154/44.927 đạt 87,15% (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 85 - 95%) Đánh giá đạt 2,20/3,00 điểm

b) Mật độ đường cống thoát nước chính

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính xã Triệu Việt Vương là 52,13 km; mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là

52,13 km/7,75 km^2; đạt 6,72 km/km^2 (tiêu chuẩn quy định từ 3-3,5 km/km^2); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch

Trên địa bàn xã hiện nay đã quy hoạch 22 trạm xử lý nước thải cho các thôn tuy nhiên chưa có trạm nào được đưa vào vận hành. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 0%. Đánh chưa đạt điểm 0/0 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 5,22/7,0 điểm.

3. Xử lý chất thải rắn

Hoạt động thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 10.950 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 9.050 (Tấn/năm). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là 9.050/10.950 đạt 82,65% (tiêu chuẩn quy định từ 70-80%); đánh giá đạt 3,0/3,00 điểm.

4. Nghĩa trang đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã có 16 nghĩa trang được xây dựng và sử dụng với tổng diện tích 14,87ha. Diện tích đất nghĩa trang trong quy hoạch là 19,60 ha. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là 14,87/19,60 đạt 75,87% (tiêu chuẩn quy định từ 50-70%); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Trên địa bàn xã hiện nay đã có dự án nhà tang lễ, nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân (tiêu chuẩn quy định từ Có dự án – 1 nhà tang lễ). Đánh giá đạt 2,5/3,0 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Số Giường bệnh

- Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế phục vụ tính xã Triệu Việt Vương là 142 giường. Bình quân số giường bệnh đạt 31,61 giường/10.000 dân. (tiêu chuẩn quy định từ 30 - 35 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 4,15/5,00 điểm.

2. Cơ sở giáo dục đào tạo

Trên địa bàn khu vực xã Triệu Việt Vương có 01 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Trường THPT Trần Quang Khải. (tiêu chuẩn quy định từ 1-10 cơ sở); đánh giá đạt 3,75/5,00 điểm.

3.Công trình văn hoá

- Trên địa bàn đô thị xã Triệu Việt Vương có 11 công trình văn hóa cấp đô thị: Đền Dạ Trạch (Đền Hóa); Đền thờ Triệu Việt Vương; Đền Hàm Tử; Đình Trung; Văn Chỉ Bình Dân; Lăng Nguyễn Bá Khanh; Đình An Dân; Đình Dương Trạch; Đình Thọ Bình; Đền Bình Dân; Đền Triệu Việt Vương (Đền Vua Rừng) (tiêu chuẩn quy định từ 2-10 công trình); đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm.

4. Công trình thể dục thể thao

- Trên địa bàn xã Triệu Việt Vương có 5 công trình thể dục thể thao cấp đô thị là: Sân bóng đá thôn Thượng, sân bóng đá An Thái, sân bóng đá Dương Trạch (2 địa điểm), sân bóng đá An đáp ứng nhu cầu vui chơi, thể dục thể thao (tiêu chuẩn 2-5 công trình); đánh giá đạt điểm 4,00/4,00 điểm.

5. Công trình thương mại dịch vụ

- Trên địa bàn có 02 công trình thương mại dịch vụ lớn: Chợ trung tâm xã và siêu thị điện máy xanh. (Yêu cầu đối đô thị loại III từ 2-5 công trình); đánh giá đạt 2,00/3,00 điểm

6. Đất công trình dịch vụ bình quân đầu người

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... có tổng diện tích: 69.636 m^2, bình quân đất công trình dịch vụ cấp đô thị trên dân số nội thị là 69.636 m^2/44.927 người, đạt 1,55 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,5-2,0 m^2/người); đánh giá đạt 2,33/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội đạt: 21,00/25,0 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Trên địa bàn xã có 03 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >02ha (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 khu). Đánh giá đạt 3,00/4,00 điểm

2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Triệu Việt Vương là 2.717,68 ha. Tổng diện tích không gian xanh của xã Triệu Việt Vương là 1.902,24 ha (bao gồm thảm thực vật ven sông, hồ; đất sản xuất nông nghiệp; cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng). Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên là 1.902,24/2.717,68 đạt 69,99% (tiêu chuẩn quy định từ 25-35 %). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm

3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị

- Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị 320.779 m2. Do vậy đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt 7,14 m^2/người. (tiêu chuẩn quy định từ 6,0-7,0 m^2/người). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

4. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị

- Hiện nay xã đang chuẩn bị triển khai lập quy hoạch đô thị, kế hoạch phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung tỉnh và chương trình phát triển đô thị tỉnh được duyệt. Do đó chưa ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Do vậy đánh giá chưa đạt điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 7,0/15,0 điểm.

3.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Triệu Việt Vương

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Qua đánh giá hiện trạng phát triểnxã Triệu Việt Vương năm 2025 so với tiêu chí đô thị loại III đạt **81,43/75/100 điểm**. Cụ thể như sau:

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11.5**	**15**	**13,00**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15.5**	**20**	**18,71**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**49,72**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18.25	25	18,72
III.2	Về hạ tầng xã hội	18.25	25	21,00
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11.5	15	10,00
	Tổng cộng	**75**	**100**	**81,43**

(Chi tiết xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I)

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị theo bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết 111

4.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2025 của xã Triệu Việt Vương là 1,17%; (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 4,13/5,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người xã Triệu Việt Vương đạt 84,30 triệu đồng người/năm so với bình quân cả tỉnh (78 triệu đồng/người/ năm 2025) gấp 1,08 lần (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,2 lần). Đánh giá đạt 5,10/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn t xã Triệu Việt Vương năm 2025 là 0,39%. (tiêu chuẩn quy định từ 5-4%). Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có công trình đường kết nối di sản cấp quốc gia, được cộng 0,5 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt 13,73/15,0 điểm

4.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí Mức độ đô thị hóa

1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

Dân số toàn xã năm 2025 là 44.927 người. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Triệu Việt Vương là 7,75 km^2. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 44.927/7,75 đạt 5.794 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 4.000 đến 6.000 người/km^2. Đánh giá đạt 9,76/10,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng xã Triệu Việt Vương năm 2025 là 775,41 so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 52,50% (tiêu chuẩn quy định từ 50-75%), đánh giá đạt 4,65/6 điểm.

3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra năm 2025 tăng 3%. Kết quả thực hiện năm 2025 tăng theo mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 3,00/4,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 17,44/20,00 điểm

4.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Tổng diện tích đất giao thông đô là 48,66ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 122,0 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là (122/775,41) *100%, đạt 15,74% (tiêu chuẩn quy định từ 12-17%); đánh đạt 2,74/3,0 điểm.

b) Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Tổng diện tích đất giao thông chính xã Triệu Việt Vương là 122 ha; bình quân diện tích đất giao thông bình quân đầu người là 122*10.000/44.927người, đạt 27,16 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 7-9 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có ngầm hoá đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2025 đạt 85,45lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 1,63/2,00 điểm.

b) Thoát nước chống ngập úng đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã Triệu Việt Vương có 100% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (tiêu chuẩn từ 25% -50%). Đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

c) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị

a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Hoạt động thu gom xử lý CTR sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã năm 2025

là 10.950 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 10.050 tấn /năm. Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 82,65 % *(tiêu chuẩn từ 80-90%); đánh giá đạt 1,63/2,00 điểm.*

b) Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Trên địa bàn xã hiện nay các hộ gia đình chưa triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã đang triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đánh giá chưua đạt điểm 0/0 điểm.

c)Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Số ca tử vong trên địa bàn xã năm 2025 là 277 ca. Số ca sử dụng hình thức hoả táng là 243 ca. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 87,7% (tiêu chuẩn: đạt từ 5-15%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

4. Cấp điện chiếu sáng và công cộng

a) Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Hiện nay 100% dân số xã sử dụng lưới điện Quốc gia. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người năm 2025 đạt 1.558,25 kwh/người/năm. (tiêu chuẩn quy định từ 400 - 1000 kwh/người/năm). Đánh giá đạt 2,0/2,00 điểm.

b) Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Mạng lưới chiếu sáng trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100% (tiêu chuẩn 80-95%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Hiện nay trên địa bàn xã có 6/21 tuyến sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng đạt 28,57% (tiêu chuẩn 15-50%); đánh giá đạt 0,84/1,00 điểm.

5. Hạ tầng viễn thông

Toàn xã có 13.083 hộ gia đình. Số hộ gia đình lắp cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định là 11.625 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 88,86 % (tiêu chuẩn quy định từ 80-100) đánh giá đạt 1,72/2,00 điểm

Điểm cộng:

- Xã hiện nay đag triển khai truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn đánh giá đạt 0,5 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Nhà ở

a) Diện tích nhà ở bình quân đầu người

- Toàn xã có 13.083 hộ. Tổng diện tích sàn đạt 1.269.188 m^2. Diện tích sàn bình quân đầu người trên đia 1.269.188 m^2 sàn/44.927 người, đạt 28,25 m^2 sàn/người (tiêu chuẩn 28-30 m^2 sàn/người); đánh giá đạt 3,06/4,00 điểm.

b) Nhà ở xã hội

Trên địa bàn xã chưa có dự án nhà ở xã hội nào được triển khai xây dựng. Đánh giá chưa đạt điểm.

2. Công trình công cộng

a) Đất dân dụng bình quân đầu người

Diện tích đất dân dụng xã Triệu Việt Vương là 677,87ha, bình quân đất dân dụng là 677,87*10.000 m2/44.927 người, đạt 150,88 m2/người (tiêu chuẩn 50-110 m2/người); đánh giá chưa đạt điểm 0/3,00 điểm.

b) Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp xã ... có tổng diện tích 146.923 m2, bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số là 146.923 m^2/44.927người, đạt 3,49 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 m2/người); đánh giá đạt 3,49/4,00 điểm.

c) Số trường công lập đạt chuẩn

Trên địa bàn xã có 80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, và trong đó có 20% các trường đạt mức độ 2 đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

d) Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số

Trên địa bàn xã có 6 điểm trường tiểu học. Đáp ứng 01 trường/6.000 người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

e) Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã là 87.661 m^2. Bình quân đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở trên dân số là

87.661/44.927 đạt 1,95 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,8-2 m^2/người); đánh giá đạt 2,75/3,00 điểm.

f) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao cấp đơn vị ở trên địa bàn xã đạt 51.222,7 m^2. Bình quân Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở trên dân số là 51.222,7/44.927 đạt 1,14m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 1-1,5 m2/người); đánh giá đạt 2,28/3,00 điểm.

Điểm cộng:

- Xã có 1/1 trường THPT công lập đạt mức độ 1 trở lên là trường THPT Trần Quang Khải, đánh giá cộng 0,5 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Không gian đô thị

a) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã là 97.893 m^2. *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt* 97.893 m^2/44.927 người đạt 2,18 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 2-3 m^2/người); đánh giá đạt 1,58/2,00 điểm.

b) Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m 2 trở lên

Trên địa bàn xã có 02 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >2.000 m^2 là không gian xanh công cộng trong các khu dân cư trung tâm xã. (tiêu chuẩn quy định từ 1-5 khu); đánh giá đạt 1,62/2,00 điểm.

2. Kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có tuyến phố văn minh đô thị nào được công nhận. Đánh giá chưa đạt điểm

b) Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ

Trên địa bàn xã có 11 công trình di tích lịch sử đượ xếp hạng. (tiêu chuẩn quy định từ 1-3 công trình); đánh giá đạt 1,0/1,00 điểm.

c) Công trình xanh

Trên địa bàn xã chưa có công trình nào được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm

Điểm cộng

- Xã có tuyến phố ĐH57 được lập và quản lý theo thiết kế đô thị riêng, đánh giá cộng 0,5 điểm.

- Trên địa bàn xã có 2 di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt, đánh giá cộng 0,5 điểm.

3. Quản trị đô thị

a) Kế hoạch phát triển đô thị

- Xã Triệu Việt Vương hiện nay chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị, đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm

b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công là 11.908 hồ sơ. Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 6.300 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 52,9 (%) (tiêu chuẩn quy định từ 35-60%) đánh giá đạt 1,85/2,0 điểm

c) Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch

Trong năm 2025 xã đã cải tạo chính trang 6 tuyến trên địa bàn: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Triệu Việt Vương (một số đoạn qua xóm 5, xóm 6, xóm 7 xã Triệu Việt Vương); Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Triệu Việt Vương (đoạn từ nhà bà Hiền Hoa đến nhà Năm Oanh cùng một số tuyến nhánh) và xây dựng hệ thống chiếu sáng đường giao thông; Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương đoạn từ nhà ông Lực đến nhà Luân Huệ và đoạn kết nối ra đường trục thôn Thọ Bình; Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dương Trạch, xã Triệu Việt Vương đoạn tù nhà ông Sướng đến nhà ông Oánh và các tuyến nhánh; Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Trung, xã Triệu Việt Vương đoạn 1 từ nhà văn hóa thôn Trung đến sông Ao Vua, đoạn 2 từ nhà ông Lành đến nhà ông Thuần và các tuyến nhánh; Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dương Trạch, xã Triệu Việt Vương, đoạn từ đường trục xã đến xã Việt Yên, đạt 100% so với kế hoạch (tiêu chuẩn quy định từ 75-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

d) Quản lý phát triển đô thị thông minh

Hiện nay xã đã có kế hoạch phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030. Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm

e) Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị

Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân trên địa bàn xã đạt 100%. (tiêu chuẩn quy định từ 90-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Điểm cộng:

- Trên địa bàn xã không có vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm

- Trên địa bàn xã không có vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm,

→ Tổng điểm tiêu chí 3 trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 48,49/60,00 điểm

4.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Triệu Việt Vương so với trình độ phát triển độ thị loại III

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Triệu Việt Vương so với trình độ phát triển độ thị loại III đạt **79,66/75,00/100 điểm**. Cụ thể

STT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,5**	**15**	**13,73**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,5**	**20**	**17,44**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**48,49**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18.25	25	18,61
III.2	Về hạ tầng xã hội	18.25	25	18,08
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11.5	15	11,80
	Tổng cộng	**75**	**100**	**79,66**

(Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục II)

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo

5.1. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại III

Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị xã Triệu Việt Vương so với tiru chí đô thị loại III đã cơ bản đáp ứng được tiêu chí phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần có các giải pháp nâng cao khắc phục trong thời gian tới. UBND xã Triệu Việt Vương đã có kế hoạch hoàn thiện từng tiêu chuẩn cụ thể, trong đó tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị nhằm khắc phục chuẩn chưa đạt điểm cụ thể:

a) Đối với Đánh giá phân loại xã Triệu Việt Vương so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch:

Hiện nay, công suất vận hành trạm xử lý nước thải trên địa bàn xã Triệu Việt Vương còn thấp so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch. Giai đoạn 2026–2030, UBND xã sẽ quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải, ưu tiên khu vực trung tâm và các khu dân cư tập trung; phấn đấu xây dựng mỗi thôn 1-2 điểm xử lý nước thải tập trung cho khu dân cư, đồng thời hoàn thiện khoảng 15–20 km tuyến cống thu gom nước thải. Cá dự án Khu dân cư, Khu đô thị trên địa bàn đều phải có trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo xử lý cho dân cư khu vực. Từng bước đấu nối các hộ dân, công trình công cộng và cơ sở dịch vụ vào hệ thống tập trung, nâng công suất vận hành đạt tối thiểu 70% công suất thiết kế vào năm 2030 và khoảng 80–90% vào năm 2035, bảo đảm khai thác hiệu quả công trình, giảm ô nhiễm môi trường.

+ Đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng trạm xử lý nước thải trong các khu đô thị, khu dân cư tập trung trên địa ban vào hoạt động:

+ Triển khai xây dựng Trạm bơm và trạm xử lý nước thải lựa chọn vị trí phù hợp với từng khu vực theo quy hoạch chung, phân khu đô thị, đảm bảo thu gom nước thải thuận lợi về bể xử lý và hạn chế ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường xung quanh.

+ Đối với xử lý nước thải từ các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung cần xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

+ Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất đảm bảo yêu cầu thoát nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Đối với tiêu chuẩn: Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Sau khi Sở Xây dựng tiến hành triển khai lập quy

hoạch chung đô thị Khoái Châu, UBND xã triển khai đồng thời triển khai lập quy hoạch phân khu đô thị, kết hoạch phát triển đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ thống nhất trong công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch đã được duyệt.

- Đối với tiêu chuẩn: Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị: Đối với tiêu chuẩn đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị của xã Triệu Việt Vương chưa đạt yêu cầu. Để khắc phục, trong giai đoạn đến năm 2030, xã cần quy hoạch bổ sung khoảng 8–10 ha đất công viên, vườn hoa và không gian xanh công cộng, ưu tiên khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và các khu vực phát triển đô thị mới. Trong đó, dự kiến hình thành 01 công viên trung tâm quy mô khoảng 3–5 ha, kết hợp quảng trường và không gian sinh hoạt cộng đồng; 3–5 công viên, vườn hoa khu vực với quy mô khoảng 0,5–1,0 ha/khu; đồng thời cải tạo các ao, hồ, khu đất công và đất xen kẹt để bổ sung khoảng 2–3 ha không gian xanh. Các dự án khu dân cư, khu đô thị mới phải bố trí quỹ đất cây xanh theo quy hoạch được duyệt. Với việc bổ sung khoảng 8–10 ha, kết hợp cải tạo hệ thống cây xanh hiện hữu, xã từng bước nâng chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng lên khoảng 6–8 m²/người, góp phần hoàn thiện tiêu chí đô thị loại III, cải thiện cảnh quan, môi trường và chất lượng sống của người dân.

b) Đối với Đánh giá phân loại xã Triệu Việt Vương so với đô thị loại III theo bảng 2B, Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Để nâng cao mức độ thực hiện quy hoạch, trong giai đoạn 2026–2030 cần tập trung đầu tư, hoàn thiện khoảng 70–80% hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên các khu vực đã được xác định là đất xây dựng đô thị; đồng thời đưa vào khai thác khoảng 60–80 ha đất xây dựng đô thị theo quy hoạch, ưu tiên các khu vực trung tâm xã và dọc các tuyến giao thông chính.

Trong đó, dự kiến phát triển khoảng 40–50 ha đất ở đô thị, 10–15 ha đất thương mại – dịch vụ, 5–10 ha đất công trình công cộng, cây xanh và thể dục thể thao, đồng thời hoàn thiện khoảng 15–20 km đường giao thông đô thị đang triển khai và hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng tại các khu vực phát triển mới. Giai đoạn 2031–2035 tiếp tục triển khai các khu vực còn lại, phấn đấu nâng tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt từ 70% trở lên, từng bước tiến tới 80–85% khi hoàn thiện các khu vực phát triển đô thị.

Bên cạnh đó với đầu tư xây dựng, cần rà soát toàn bộ quỹ đất quy hoạch chưa thực hiện; đối với các khu vực không còn phù hợp về nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng hoặc khả năng đầu tư thì nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, giảm quy mô hoặc chuyển chức năng sử dụng đất nhằm bảo đảm tính khả thi. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hạn chế quy hoạch treo và bảo đảm tỷ lệ thực hiện quy hoạch phù hợp với quy định.

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Trong giai đoạn 2026–2030, UBND xã Triệu Việt Vương sẽ tập trung nguồn lực ưu tiên cải tạo, thay thế hệ thống chiếu sáng hiện có bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng và đèn sử dụng năng lượng mặt trời, tập trung trên khoảng 15–20 km đường đô thị, với khoảng 500–700 bộ đèn, trong đó 150–200 bộ đèn năng lượng mặt trời. Đồng thời, lắp đặt hệ thống điều khiển tự động, điều chỉnh công suất và đóng/cắt theo thời gian hoặc lưu lượng giao thông trên các tuyến chính. Giai đoạn 2031–2035 tiếp tục mở rộng, phấn đấu tối thiểu 60% số tuyến đường đô thị được ứng dụng chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo hoặc chiếu sáng thông minh, góp phần giảm chi phí vận hành, tiết kiệm điện năng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Đối với tiêu chuẩn: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người *(tập trung hoàn thiện theo các giải pháp đất cây xanh sử dụng công cộng theo mục a)*.

5.2. Giải pháp về phát triển kinh tế

Trong giai đoạn tới, phát triển kinh tế xã Triệu Việt Vương cần được tổ chức theo hướng công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp công nghệ cao, lấy công nghiệp và kinh tế đô thị làm động lực tăng trưởng, thương mại – dịch vụ làm khu vực phát triển nhanh và nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, công nghệ cao làm nền tảng ổn định. Trên cơ sở kết quả giai đoạn 2020–2025 với tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 11,8%/năm, giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt khoảng 258 triệu đồng/năm và thu nhập bình quân năm 2024 đạt 97,3 triệu đồng/người/năm, xã cần tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Trọng tâm trước mắt là khai thác hiệu quả lợi thế của Khu công nghiệp Tân Dân. Khu công nghiệp có tổng diện tích gần 200 ha, trong đó khoảng 110 ha thuộc địa bàn xã Triệu Việt Vương, do đó cần tập trung phối hợp thực hiện tốt công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng và thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, sử dụng tiết kiệm đất đai, năng lượng và thân thiện với môi trường. Đồng thời, hình thành hệ thống doanh nghiệp

và dịch vụ phụ trợ xung quanh khu công nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tham gia vào chuỗi cung ứng về sản xuất công nghiệp, vận tải, logistics, kho bãi, ăn uống, lưu trú, thương mại và các dịch vụ phục vụ người lao động.

- Phát triển thương mại – dịch vụ trở thành một trong những khu vực tăng trưởng chủ lực của xã. Tập trung hình thành các trung tâm thương mại – dịch vụ, chợ hiện đại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, dịch vụ tài chính – ngân hàng, vận tải – logistics, nhà hàng, cơ sở lưu trú và các dịch vụ đô thị tại khu vực trung tâm xã, dọc các tuyến giao thông đối ngoại và các khu vực phát triển dân cư mới. Khuyến khích hình thành các tuyến phố thương mại – dịch vụ gắn với chỉnh trang đô thị, tạo diện mạo đô thị văn minh, hiện đại và nâng cao giá trị sử dụng đất.

- Đối với nông nghiệp, thực hiện tái cơ cấu theo hướng giảm dần sản xuất nhỏ lẻ, tăng cường sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nâng cao giá trị gia tăng. Tiếp tục phát triển các vùng cây ăn quả có lợi thế, xây dựng vùng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn chất lượng phù hợp; đẩy mạnh cơ giới hóa, tưới tiết kiệm, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử; xây dựng thương hiệu nông sản Triệu Việt Vương. Tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm ổn định đầu ra, nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân.

- Song song với phát triển các ngành kinh tế, cần đặc biệt quan tâm đào tạo và chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi đất đai phục vụ công nghiệp và đô thị. Tập trung đào tạo các ngành nghề cơ khí, điện – điện tử, tự động hóa, logistics, công nghệ thông tin và các dịch vụ công nghiệp; ưu tiên tạo việc làm cho lao động địa phương tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp dịch vụ và các cơ sở sản xuất trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và phát triển kinh tế; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, quản trị số, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm trên môi trường số. Đồng thời, tăng cường cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ tiếp cận đất đai, vốn và thông tin thị trường nhằm thu hút các doanh nghiệp có năng lực, công nghệ tiên tiến và khả năng tạo nhiều việc làm.

- Quá trình phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường và xây dựng đô thị bền vững. Ưu tiên các dự án công nghiệp sạch, công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả tài nguyên; kiểm soát chặt nguồn nước thải, khí thải và chất thải rắn; phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, bảo vệ quỹ

đất nông nghiệp có giá trị, hệ thống mặt nước, cây xanh và cảnh quan nông thôn trong quá trình đô thị hóa.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt đô thị. Cụ thể là: Các dự án xây dựng đô thị hiện đại; Các dự án về xây dựng mạng lưới hệ thống giao thông vận tải; Các dự án cung cấp điện; Dự án về cấp, thoát nước; Các dự án về Bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc; dự án xử lý thu gom xử lý rác thải rắn, đầu tư xây dựng nghĩa tranh tập trung đảm bảo môi trường, Chương trình cho xây dựng trường học, bệnh viện và các thiết chế văn hóa.

5.2. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

- Đối với phát triển văn hóa – xã hội xã Triệu Việt Vương cần gắn chặt với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và mục tiêu xây dựng xã trở thành khu vực đô thị văn minh, hiện đại. Trọng tâm là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và an sinh xã hội; đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của địa phương. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống trường học, Trạm Y tế xã, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và các nhà văn hóa, sân thể thao tại các khu dân cư; đối với các khu dân cư mới cần dành quỹ đất hợp lý để xây dựng đồng bộ các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, cây xanh và không gian công cộng, bảo đảm bán kính phục vụ và khả năng tiếp cận thuận lợi của người dân.

- Cùng với phát triển hệ thống thiết chế, cần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, duy trì các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hóa, lễ hội và các giá trị truyền thống, gắn bảo tồn di sản với chỉnh trang cảnh quan và phát triển các hoạt động dịch vụ phù hợp. Từng bước xây dựng nếp sống văn minh đô thị, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, sử dụng không gian công cộng, chấp hành quy định về trật tự xây dựng, giao thông và vệ sinh môi trường.

- Đặc biệt, trong bối cảnh Khu công nghiệp Tân Dân và các khu vực đô thị mới phát triển, cần coi đào tạo nghề, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm. Tăng cường liên kết giữa chính quyền, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để đào tạo lao động theo nhu cầu thị trường, ưu tiên lao động địa phương, lao động bị ảnh hưởng bởi chuyển đổi đất đai; khuyến khích phát triển các ngành nghề công nghiệp, thương mại – dịch vụ, logistics, công nghệ thông tin và các ngành nghề có giá trị gia tăng cao. Đồng thời thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo người có công, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm yếu thế, bảo đảm mọi người dân được hưởng lợi từ quá trình phát triển.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý văn hóa – xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư, giáo dục, y tế và di sản; mở rộng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, Wi-Fi công cộng và các tiện ích số phục vụ người dân. Qua đó từng bước hình thành môi trường xã hội hiện đại, thuận tiện và an toàn.

- Quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình dịch vụ công cộng, công viên cây xanh và các công trình phục vụ lợi ích công cộng.

- Đảm bảo sự an toàn xã hội và quốc phòng, an ninh; giảm tối đa các tệ nạn xã hội. Giữ bền vững và làm giàu môi trường ở các xã làm cơ sở cho ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Không có điểm, khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Mục tiêu là xây dựng Triệu Việt Vương trở thành địa bàn có hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ, chất lượng giáo dục và y tế được nâng cao, đời sống văn hóa phong phú, an sinh xã hội được bảo đảm, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa và người dân có chất lượng sống ngày càng cao; tạo nền tảng vững chắc để thực hiện mục tiêu phát triển Triệu Việt Vương theo hướng đô thị hiện đại và đủ điều kiện nâng cấp thành phường trong giai đoạn tiếp theo.

5.3. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Đối với công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn xã Triệu Việt Vương cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, gắn chặt với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và mục tiêu xây dựng Triệu Việt Vương trở thành khu vực đô thị phát triển hiện đại. Trước hết, cần rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy hoạch trên địa bàn, bảo đảm thống nhất giữa quy hoạch tỉnh, các quy hoạch vùng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chi tiết dự án; cập nhật đầy đủ các dự án đang và sẽ triển khai, đặc biệt là Khu công nghiệp Tân Dân, Khu công nghiệp Triệu Việt Vương, Cụm công nghiệp Bãi Sậy, các Khu đô thị lớn với đầy đủ công năng như Khu đô thị Triệu Việt Vương, Khu đô thị hỗn hợp Khoái Châu, các khu dân cư mới, hệ thống giao thông đối ngoại và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thu hút đầu tư các dự án Khu đô thị lớn với đầy đủ công năng ở, nghiên cứu, thương mại, dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí,... như Khu đô thị Triệu Việt Vương quy mô 690ha nằm toàn bộ trên địa bàn xã Triệu Việt Vương do tập đoàn HDMON đang đề xuất nghiên cứu, lập quy hoạch để đầu tư, Khu đô thị hỗn hợp Khoái Châu quy mô khoảng 695ha trong đó khoảng 60ha nằm trên địa bàn xã Triệu Việt Vương do Công ty cổ phần Xuân Cầu Holdings đang đề xuất nghiên cứu, lập quy hoạch để đầu tư. Việc thu hút các dự án đô thị lớn với đầy đủ công năng theo mô hình đô thị sinh thái, thông minh, với sự đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng năng lượng tái tạo, hệ thống cấp thoát nước, không gian xanh và hệ thống giao thông công cộng tiên tiến, hiện đại giúp

tạo ra môi trường sống lành mạnh, cân bằng giữa công việc, dịch vụ, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân. Bên cạnh đó, việc phát triển các dự án đô thị đa mục tiêu cũng cần được kết hợp với cơ chế quản lý chặt chẽ, đảm bảo không gây ra hiện tượng đầu cơ đất đai hay đẩy giá bất động sản vượt quá giá trị thực tế, đồng phương hướng huy động hiệu quả nguồn lực xã hội và nhà nước để triển khai dự án một cách đồng bộ.

- Tổ chức không gian phát triển theo hướng tập trung, lấy khu vực trung tâm xã và các trục giao thông chính làm khung cấu trúc đô thị; phát triển các khu vực thương mại – dịch vụ, khu dân cư mới và các chức năng đô thị tại những vị trí có điều kiện thuận lợi về giao thông và hạ tầng. Khu vực Khu công nghiệp Tân Dân được xác định là một trong những động lực phát triển quan trọng, cần tổ chức đồng bộ giữa khu công nghiệp với hệ thống giao thông, khu dịch vụ, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, các công trình giáo dục, y tế, thương mại – dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật, đồng thời bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và bố trí dải cây xanh cách ly phù hợp.

- Đối với các khu dân cư hiện hữu, tập trung chỉnh trang theo hướng nâng cấp đồng bộ giao thông, thoát nước, cấp nước, điện, viễn thông, chiếu sáng, cây xanh và các công trình công cộng; từng bước khắc phục tình trạng đường giao thông nhỏ hẹp, thiếu vỉa hè, thoát nước chưa đồng bộ và xây dựng tự phát. Đối với các khu dân cư mới, chỉ cho phép triển khai trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, bảo đảm đồng bộ giữa nhà ở với hạ tầng kỹ thuật, trường học, y tế, văn hóa, thể thao, cây xanh, sân chơi và bãi đỗ xe; hạn chế hình thành các khu dân cư phân lô nhỏ lẻ, manh mún dọc các tuyến giao thông chính.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, quy hoạch, kiến trúc và trật tự xây dựng; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp xây dựng không phép, sai phép, sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm đất công, hành lang giao thông và hành lang thủy lợi. Đồng thời, từng bước xây dựng và thực hiện các quy định quản lý kiến trúc, cảnh quan tại khu vực trung tâm và các tuyến phố chính, kiểm soát chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi, hình thức kiến trúc, biển quảng cáo và tổ chức không gian vỉa hè nhằm tạo diện mạo đô thị thống nhất, văn minh.

- Phát triển hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và không gian công cộng gắn với bảo vệ hệ thống ao, hồ, kênh mương, mặt nước hiện có; hình thành mạng lưới không gian xanh – mặt nước có khả năng hỗ trợ điều hòa khí hậu, thoát nước và nâng cao chất lượng cảnh quan. Đồng thời ưu tiên hoàn thiện các hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, nhất là giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, cấp điện, chiếu sáng, viễn thông và quản lý chất thải rắn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý và phát triển đô thị, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật; từng bước triển khai hệ thống GIS quản lý quy hoạch, số hóa thông tin quy hoạch, giám sát trật tự xây dựng, quản lý hạ tầng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Qua đó nâng cao tính công khai, minh bạch của quy hoạch, tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin và tham gia giám sát quá trình phát triển đô thị.

- Để bảo đảm nguồn lực thực hiện, xã cần chủ động huy động và lồng ghép các nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ đất, vốn doanh nghiệp, xã hội hóa và các hình thức hợp tác công – tư; ưu tiên đầu tư các công trình có tính kết nối và lan tỏa cao. Quá trình phát triển phải bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, không làm phá vỡ cấu trúc không gian làng xóm truyền thống và không gian nông nghiệp, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các tác động đến môi trường.

Mục tiêu tổng thể là xây dựng Triệu Việt Vương theo mô hình đô thị phát triển tập trung, xanh, hiện đại, có bản sắc và thích ứng, trong đó công nghiệp và dịch vụ là động lực phát triển, hệ thống khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội từng bước hoàn thiện, công tác quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng được tăng cường, tạo nền tảng để xã phát triển theo hướng đô thị hiện đại và đáp ứng các yêu cầu nâng cấp đơn vị hành chính đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

5.4. Giải pháp về huy động các nguồn lực và thu hút đầu tư

Trong công tác huy động nguồn lực và thu hút đầu tư, xã Triệu Việt Vương cần xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ và nâng cao chất lượng đô thị. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; trong đó ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các công trình hạ tầng khung, công trình thiết yếu và có tính dẫn dắt, đồng thời tăng cường huy động nguồn vốn ngoài ngân sách thông qua đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp, xã hội hóa, tín dụng, hợp tác công – tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tập trung khai thác lợi thế của Khu công nghiệp Tân Dân với quy mô gần 200 ha, trong đó khoảng 101 ha thuộc địa bàn xã Triệu Việt Vương, coi đây là một trong những động lực quan trọng để thu hút các dự án công nghiệp có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và sử dụng đất hiệu quả. Triển khai nhanh Dự án Khu công nghiệp Triệu Việt Vương, Cụm công nghiệp Bãi Sậy khi được chấp thuận nhằm thu hút lao động, tạo công ăn việc làm, tăng cao thu nhập của người dân địa phương.

- Đồng thời, chủ động xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, ưu tiên các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện – điện tử, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, logistics và các ngành công nghiệp sạch. Gắn thu hút đầu tư công nghiệp với phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, thương mại, lưu trú, y tế, giáo dục và các dịch vụ đô thị nhằm hình thành hệ sinh thái kinh tế đồng bộ quanh khu công nghiệp.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực thương mại – dịch vụ tại khu vực trung tâm xã, các tuyến giao thông chính, các khu vực cửa ngõ và khu vực tiếp giáp Khu công nghiệp Tân Dân, Khu công nghiệp Triệu Việt Vương, Cụm công nghiệp Bãi Sậy; ưu tiên phát triển trung tâm thương mại, siêu thị, chợ hiện đại, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, cơ sở lưu trú, tài chính – ngân hàng, logistics, kho bãi và các dịch vụ phục vụ dân cư, người lao động. Đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chế biến và tiêu thụ nông sản, từng bước hình thành chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân.

- Khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai trên cơ sở tuân thủ quy hoạch và quy định pháp luật; rà soát quỹ đất công, quỹ đất có khả năng phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ và các khu chức năng để xây dựng danh mục quỹ đất kêu gọi đầu tư công khai, minh bạch. Nguồn thu từ khai thác quỹ đất cần được ưu tiên tái đầu tư cho các công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông, cấp nước, thoát nước, trường học, y tế, văn hóa – thể thao, cây xanh và các công trình phục vụ cộng đồng, qua đó tạo vòng tuần hoàn nguồn lực giữa phát triển đất đai và đầu tư hạ tầng.

- Tăng cường xã hội hóa trong đầu tư các công trình giáo dục, y tế, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ, bãi đỗ xe, công viên và các công trình dịch vụ đô thị; nghiên cứu áp dụng các hình thức hợp tác công – tư đối với những dự án có quy mô lớn và khả năng khai thác dịch vụ. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh phát triển; hỗ trợ tiếp cận thông tin quy hoạch, đất đai, tín dụng, thị trường và chuyển đổi số; khuyến khích các hộ kinh doanh có đủ điều kiện chuyển đổi thành doanh nghiệp và tham gia chuỗi cung ứng cho Khu công nghiệp Tân Dân, Khu công nghiệp Triệu Việt Vương, Cụm công nghiệp Bãi Sậy cũng như các khu đô thị mới.

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai quy hoạch, quỹ đất và danh mục dự án kêu gọi đầu tư; nâng cao trách nhiệm của chính quyền trong hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án. Chủ động xây dựng cơ chế phối hợp giữa xã với các cơ quan cấp tỉnh, các chủ đầu tư và doanh nghiệp

nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn về thủ tục, giải phóng mặt bằng, hạ tầng và lao động.

- Bên cạnh đó, phát huy nguồn lực của cộng đồng dân cư trong chỉnh trang khu dân cư, xây dựng cảnh quan, cây xanh, không gian công cộng và bảo vệ các công trình văn hóa – lịch sử theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, phù hợp với quy định pháp luật. Gắn huy động nguồn lực với bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm người dân được hưởng lợi từ quá trình đầu tư phát triển.

Xây dựng xã Triệu Việt Vương trở thành địa bàn có môi trường đầu tư thông thoáng, quỹ đất được khai thác hiệu quả, kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ, thu hút được các dự án công nghiệp, thương mại – dịch vụ và đô thị có chất lượng; đồng thời hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước – doanh nghiệp – người dân trong phát triển kinh tế, tạo nguồn lực bền vững để thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng hợp các điều kiện về vị trí, vai trò, hiện trạng phát triển kinh tế – xã hội, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công tác quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn, có thể nhận thấy xã Triệu Việt Vương có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển theo hướng đô thị. Xã có vị trí thuận lợi trong mối liên hệ phát triển của tỉnh Hưng Yên, có hệ thống giao thông từng bước được hoàn thiện, nền kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại – dịch vụ; đặc biệt sự hình thành và phát triển của Khu đô thị Triệu Việt Vương, Khu công nghiệp Tân Dân, Khu công nghiệp Triệu Việt Vương, Cụm công nghiệp Bãi Sậy sẽ tạo động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, thu hút đầu tư và gia tăng nhu cầu phát triển các dịch vụ đô thị.

Trong những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội của xã từng bước được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại – dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tiếp tục được hoàn thiện. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xây dựng và chỉnh trang khu dân cư ngày càng được quan tâm, tạo tiền đề cho việc hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xã vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục như hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại một số khu vực chưa đồng bộ; chất lượng một số tuyến giao thông và hệ thống thoát nước còn hạn chế; không gian cây xanh, công viên, khu vui chơi công cộng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu; việc chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu cần được đẩy mạnh; công tác quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường cần tiếp tục tăng cường. Đây là những nội dung cần được tập trung đầu tư, hoàn thiện trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá tổng hợp, với lợi thế về vị trí, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, động lực công nghiệp, khả năng thu hút đầu tư, hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện và định hướng phát triển đô thị rõ ràng, xã Triệu Việt Vương có cơ sở và tiềm năng để tổ chức phát triển theo mô hình đô thị, hướng tới đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí của đô thị loại III theo quy định hiện hành. Qua đánh giá hiện trạng phát triển đô thị năm 2025, xã Triệu Việt Vương đã hội đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III.

Việc công nhận xã Triệu Việt Vương là đô thị loại III sẽ tạo cơ sở quan trọng để nâng cao vị thế, phát huy tiềm năng, thu hút nguồn lực đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Việc công

nhận không chỉ có ý nghĩa về mặt quản lý hành chính mà còn là cơ sở để định hướng đầu tư phát triển không gian, hạ tầng và cảnh quan đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và bền vững; đồng thời tạo động lực khai thác hiệu quả các lợi thế về công nghiệp, thương mại – dịch vụ, nông nghiệp hàng hóa và các giá trị văn hóa – lịch sử của địa phương. Đồng thời đây cũng là nguồn động viên to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong xã Triệu Việt Vương trong việc góp phần xây dựng và nâng cấp hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên, là điều kiện thuận lợi để xã tiếp tục phát triển ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp./.

2. Kiến nghị:

Để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc công nhận xã Triệu Việt Vương là đô thị loại III và tổ chức phát triển đô thị theo hướng bền vững, kính đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, hỗ trợ địa phương thực hiện một số nội dung sau:

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội có tính chất động lực, nhất là giao thông đối ngoại, các tuyến đường kết nối khu công nghiệp, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, điện, chiếu sáng, viễn thông, trường học, y tế, văn hóa – thể thao, cây xanh và không gian công cộng.

- Tạo điều kiện để xã phối hợp triển khai hiệu quả Khu công nghiệp Tân Dân, Khu công nghiệp Triệu Việt Vương, Cụm công nghiệp Bãi Sậy và các dự án đầu tư trên địa bàn; đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng khu, cụm công nghiệp, thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; đồng thời phát triển các khu dịch vụ, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội và hệ thống hạ tầng xã hội phục vụ người lao động.

- Hỗ trợ địa phương khai thác hiệu quả các nguồn lực đất đai, nguồn thu từ đất và các nguồn vốn hợp pháp khác để tái đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; khuyến khích các hình thức xã hội hóa, hợp tác công – tư và huy động nguồn lực doanh nghiệp nhằm giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục hỗ trợ xã trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và kiến trúc cảnh quan; tăng cường kiểm soát phát triển xây dựng tự phát, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp có giá trị, hành lang giao thông, thủy lợi, mặt nước, cây xanh và các khu vực có giá trị cảnh quan, văn hóa.

- Quan tâm đầu tư và nâng cao chất lượng các công trình phục vụ dân sinh, nhất là giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và các không gian công cộng; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị và chất lượng sống của người dân.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch và quản lý đô thị; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng GIS trong quản lý không gian đô thị, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến và xây dựng các tiện ích đô thị thông minh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tiềm năng phát triển và định hướng trong thời gian tới, việc xem xét công nhận xã Triệu Việt Vương là đô thị loại III là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, quá trình đô thị hóa và định hướng tổ chức không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên. Đây sẽ là động lực quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Uỷ ban nhân dân xã Triệu Việt Vương kính trình đề án công nhận xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế xây dựng đô thị, văn minh, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Hải Nam

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

TT	Mã tiêu chuẩn	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại III		Năm 2025	Điểm
				Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**		**11,50**	**15,00**				**13,00**
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		5,50	7,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	7,00
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		6,00	8,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	6,00
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**		**15,50**	**20,00**				**18,71**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	1000 người	5,50	7,00	20	200	44,93	5,71
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	4,50	6,00	500	1000	1653	6,00
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	5,50	7,00	55	65	75,3	7,00

III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**		**48,00**	**65,00**				**49,72**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**		**18,25**	**25,00**				**18,72**
3.1.1		***Giao thông***		***7,00***	***9,00***				***5,00***
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		3,00	4,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	0	*0*
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km 2	4,00	5,00	4	6	7,60	5,00
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***		***4,75***	***7,00***				***5,22***
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	2,00	3,00	85	95	87,15	2,22
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km 2	2,00	3,00	3	3,5	6,72	3,00
3	2A.III.010	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	0,75	1,00	50	70	0,00	0,00
3.1.3		***Xử lý chất thải rắn***		***2,00***	***3,00***				***3,00***
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	2,00	3,00	70	80	82,15	3,00
3.1.4		***Nghĩa trang đô thị***		***4,50***	***6,00***				***5,50***
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	2,00	3,00	50	70	75,87	3,00
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	2,50	3,00	có dự án	1 nhà tang lễ	có dự án	2,50
III.2		***Về hạ tầng xã hội***		***18,25***	***25,00***				***21,00***

1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/ 10.000 dân	3,75	5,00	30	35	31,61	4,15
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	3,75	5,00	1	10	1,00	3,75
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	%	3,75	5,00	2	10	11,00	5,00
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	3,00	4,00	2	5	5,00	4,00
5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	2,00	3,00	2	5	2,00	2,00
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	2,00	3,00	1,5	2	1,55	2,10
III.3		***Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị***		***11,50***	***15,00***				***10,00***
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	3	4	1,00	2,00	3,00	4,00
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	2	3	25,00	35,00	69,99	3,00
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	2,50	3,00	6,00	7,00	7,14	3,00
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	4,00	5,00	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	Đã thực hiện quy chế 03 năm trở lên	Chưa có quy chế	0,00
		Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		**75,00**	**100,00**				**81,43**

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

TT	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Đạt trình độ loại III		Hiện trạng năm 2025	
				Mức quy định	Điểm	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**13,73**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,4	5	1,17	4,13
				1	3,5		
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	1,2	6	1,08	5,10
				1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,39	4
				5	3,5		
		Điểm cộng					
-		Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				Có con đường kết nối di sản	0,5
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*					

II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**17,44**
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	6.000	10	5.794	9,79
				4.000	8		
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	75	6	52,50	4,65
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Đạt mục tiêu đề ra	3
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**48,49**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,5-25**		**18,61**
3.1.1		***Giao thông***			***6,5-9***		***5,74***
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	17	3	15,74	2,74
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m²/người	9	3	27,16	3
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	50	3	0	0
				40	2,5		
		Điểm cộng					
-		Có hệ thống giao thông ngầm					
-		Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính					

-		Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp					
		100% tuyến đường chính có giao thông công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông*					
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,5-6***		***3,63***
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	85,45	1,63
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	50	2	100	2
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	35	2	0	0
				20	1,5		
		Điểm cộng					
-		Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,...					
-		Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					
-		Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*					
3.1.3		***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô***			***3-4***		***3,4***

		thị					
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	90 80	2 1,5	82,65	1,63
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	75 50	1 0,75	52,50	0,77
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	15 5	1 0,75	87,73	1
		Điểm cộng					
-		Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp					
-		Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*					
3.1.4		***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***			***3-4***		***3,84***
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.000 400	2 1,5	1558,25	2
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	95 80	1 0,75	100,00	1
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	50 15	1 0,75	28,57	0,84
3.1.5		***Hạ tầng viễn thông***			***1,5-2***		***2,00***
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100 80	2 1,5	88,86	1,72

		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)				Có điểm truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn	0,5
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông*					
III.2		**Về hạ tầng xã hội**			**18,5-25**		**18,08**
3.2.1		***Nhà ở***			***4,5-6***		***3,06***
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ^{2} sàn/người	32	4	28,25	3,06
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	0	0
				Đang xây dựng	1,5		
		Điểm cộng					
-		Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người)					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở*					
3.2.2		***Công trình công cộng***			***14-19***		***14,3***
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	110	3	150,88	0

				50	2		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m^2/người	4	4	3,49	3,49
				3	3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20 % đạt mức độ 2	3
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3
				Đáp ứng 01 trường/8.000	2,5		

				người			
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	2 1,8	3 2	1,95	2,75
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	1,5 1	3 2	1,14	2,28
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên				Có 1/1 trường THPT công lập đạt mức độ 1 trở lên	0,5
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng*					
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11-15**		**11,8**
3.3.1		***Không gian đô thị***			***3-4***		***3,2***
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	3 2	2 1,5	2,18	1,58
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	Số khu	5 1	2 1,5	2,00	1,62
		Điểm cộng					
-		Không gian xanh công cộng được xây dựng trên					

		cao					
-		Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị*					
3.3.2		***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***			***3-4***		***2***
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	40 20	2 1,5	0	0
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	3 1	1 0,75	11	1
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	2 1	1 0,75	0	0
		Điểm cộng					
-		Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị					
-		Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị				Có	0,5
-		Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế					
-		Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ				có di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt	0,5
-		Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp					

		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
3.3.3		***Quản trị đô thị***			***5-7***		***6,60***
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	Không có	0
				Có kế hoạch	0,5		
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	60	2	52,91	1,85
				35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	100	1
				75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	95	2	100	2
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5

		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*					
Tổng					**75-100**		**79,66**

CÁC BẢNG BIỂU LIÊN QUAN

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 1: QUY MÔ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến hết ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Đơn vị tính	Tổng dân số (người)
1	Dân số thường trú	Người	44.418
2	Dân số tạm trú quy đổi	Người	509
3	Tổng dân số	Người	44.927

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 2: CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Diện tích đất tự nhiên	**2.717,68**	**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**775,41**	**28,53**
I	***Đất dân dụng***	***677,87***	***24,94***
1	Đất ở	283,25	10,42
2	Đất công trình công cộng	158,89	5,85
3	Đất cây xanh công cộng	41,80	1,54
4	Đất giao thông đối nội	193,93	7,14
II	***Đất ngoài dân dụng***	***97,54***	***3,59***
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	61,5	2,26
2	Giao thông đối ngoại	0,51	0,02
3	Đất cơ quan, trụ sở	1,71	0,06
4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,64	0,02
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	17,97	0,66
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	12,63	0,46
7	An ninh quốc phòng	2,58	0,09

B	**Đất khác**	**1.942,27**	**71,47**
1	Đất nông nghiệp	1.869,52	68,79
2	Đất đồi chưa sử dụng	0	0,00
3	Đất bằng chưa sử dụng	0	0,00
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	72,37	2,66
5	Đất khác	0,38	0,01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG T.HƯNG YÊN

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 3: CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
I	**Tăng trưởng các ngành kinh tế**			
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra	%	3,00	
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt được	%	3,00	
II	**Thu nhập bình quân đầu người trên năm**			
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Triệu Việt Vương	Tr. Đồng/năm	84,30	
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Tr. Đồng/năm	78,00	
	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	lần	1,08	
II	**Lao động**			
	Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người	29.153	
	Tổng số lao động làm việc trong các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ thương mại	Người	21.946	
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	75,3	
III	**Tỷ lệ tăng dân số hàng năm**	%	1,17	
IV	**Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**			
	Tổng số hộ trên địa bàn xã	hộ	13.083	
	Tổng số hộ nghèo	hộ	69	
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn	%	0,39	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 4: THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)	Chiều dài đường ống thoát nước chính (nước mưa, nước thải)	Chiều dài đường dây, đường cáp được ngầm hóa (km)	Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng (km)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng cộng			**58,90**	**1.220.020**	**52,13**		**58,81**	
I	**Cao tốc, Quốc lộ**			**0,09**	**2.070**	**0,18**	**0**	**0**	
1	Quốc lộ 39	12	23	0,09	2.070	0,18	0	0	
II	**Đường tỉnh**			**17,63**	**511.850**	**11**	**0**	**18**	
1	ĐT.383	7	23	3,98	91.540	2,62	0	3,98	
2	ĐT.379	11	38,5	2,64	101.640	0,93	0	2,64	
3	ĐT.378	7,5	25	2,62	65.500			2,62	
4	ĐT.377	5,5-7	33	6,02	198.660	6,3	0	6,02	
5	ĐT.377B	7	23	2,37	54.510	0,92	0	2,37	
III	**Đường trục xã**			**41,18**	**169.420**	**41**		**41**	
1	Đường trục xã qua thôn Đức Nhuận Thượng	3-5	3-5	2,8	11.200	2,8	0	2,8	x
2	Đường trục xã qua thôn Yên Vĩnh	3-5	3-5	4,8	19.200	4,8	0	4,8	x
3	Đường trục xã qua thôn Xuân Đình	3-5	3-5	2,4	9.600	2,4	0	2,4	x
4	Đường trục xã qua thôn Hàm Tử	3-5	3-5	1,1	4.400	1,1	0	1,1	
5	Đường trục xã qua thôn Đức Nhuận Hạ	3-5	3-5	1,08	4.320	1,08	0	1,08	
6	Đường trục xã qua thôn An Cảnh	3-5	3-5	6	24.000	6	0	6	

7	Đường trục xã qua thôn An Thái	3-5	3-5	1,2	4.800	1,2	0	1,2	x
8	Đường trục xã qua thôn Hạ	3-5	3-5	4	16.000	4	0	4	
9	Đường trục xã qua thôn Trung	3-5	3-5	3,1	12.400	3,1	0	3,1	
10	Đường trục xã qua thôn Thượng	3-5	3-5	2,6	10.400	2,6	0	2,6	x
11	Đường trục xã qua thôn Bãi Sậy	3-5	3-5	3,2	12.800	3,2	0	3,2	
12	Đường trục xã qua thôn Bình Dân	3-5	3-5	2,1	8.400	2,1	0	2,1	
13	Đường trục xã qua thôn Thọ Bình	3-5	3-5	4,7	23.500	4,7	0	4,7	x
14	Đường trục xã qua thôn Dương Trạch	3-5	3-5	1,5	6.000	1,5	0	1,5	
15	Đường trục xã qua thôn An Dân	3-5	3-5	0,6	2.400	0,6	0	0,6	
IV	**Đường trục thôn**	**3-5**	**3-5**	**134,17**	**536.680**				

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 5: DANH MỤC BẾN BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng cộng			
I	**Bến xe, Nhà ga, Bến cảng**			
1	*Không có*			
II	**Bãi đỗ xe**			
1	*Không có*			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 6: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực cấp nước	Quy mô dân số (Người)	Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	Ghi chú
1	Xã Triệu Việt Vương	44.927	39.154	87,15	85,45	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 7: HIỆN TRẠNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

I	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG			
TT	Trạm xử lý nước thải	Công suất trạm thiết kế (m3/ngày đêm)	Công suất trạm thực tế (m3/ngày đêm)	Ghi chú
	Không có			
II	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI THEO QUY HOẠCH			
TT	Trạm xử lý nước thải	Tổng công suất thiết kế theo quy hoạch (m3/ngày đêm)	Ghi chú	Ghi chú
	Tổng cộng			
1	Thôn Thọ Bình	50		
2	Thôn Bình Dân	50		
3	Thôn An Dân	30		
4	Thôn Dương Trạch	50		
5	Thôn Bãi Sậy 1	50		
6	Thôn Bãi Sậy 1	30		
7	Thôn Bãi Sậy 2	50		
8	Thôn Bãi Sậy 3	30		
9	Thôn Đức Nhuận Thượng	50		
10	Thôn Yên Vĩnh	50		

11	Thôn Xuân Đình	50		
12	Thôn Hàm Tử	30		
13	Thôn Đức Nhuận Hạ	30		
14	Thôn An Cảnh	50		
15	Thôn Thượng	50		
16	Thôn Trung	30		
17	Thôn Trung	30		
18	Thôn Hạ	50		
19	Thôn An Thái	50		
20	Thôn 1	50		
21	Thôn 2	50		
22	Thôn 3	50		
	Tổng cộng	**960**		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 8: HIỆN TRẠNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng số hộ	Số hộ được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	13.083	0	0	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 9: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh (Tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (Tấn/năm)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	Tổng số hộ	Tổng số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn	Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%)	Ghi chú
1	10.950	9.050	82,65	13.083	0	0	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU10: DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Diện tích (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Nghĩa trang Ông Đình	Thôn 1	1,79	2,77	
2	Nghĩa trang Cống Ngổ	Thôn Hạ	0,51	0,76	
3	Nghĩa trang Đông Đống	Thôn Thượng	1,48	1,48	
4	Nghĩa trang An Cảnh	Thôn An Cảnh	0,91	1,50	
5	Nghĩa trang Hàm Tử	Thôn Hàm Tử	0,34	0,64	
6	Nghĩa trang Đức Nhuận Hạ	Thôn Đức Nhuận Hạ	0,30	0,30	
7	Nghĩa trang Xuân Đình	Thôn Xuân Đình	0,44	0,65	
8	Nghĩa trang Yên Vĩnh	Thôn Yên Vĩnh	0,62	0,87	
9	Nghĩa trang Đức Nhuận Thượng	Thôn Đức Nhuận Thượng	0,83	1,03	
10	Nghĩa trang Bãi Sậy 3	Thôn Bãi Sậy 3	0,93	0,93	
11	Nghĩa trang Bãi Sậy 2	Thôn Bãi Sậy 2	0,42	0,85	
12	Nghĩa trang Bãi Sậy 1	Thôn Bãi Sậy 1	1,02	1,44	
13	Nghĩa trang Dương Trạch	Thôn Dương Trạch	0,95	0,95	

14	Nghĩa trang An Dân	Thôn An Dân	0,79	0,99	
15	Nghĩa trang Bình Dân	Thôn Bình Dân	1,80	1,80	
16	Nghĩa trang Thọ Bình	Thôn Thọ Bình	1,74	2,64	
	Tổng cộng		**14,87**	**19,60**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 11: TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số ca tử vong	Người/năm	**277**	
2	Số ca sử dụng hình thức hỏa táng	Người/năm	243	
3	Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng	%	87,7	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 12: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng công suất tiêu thụ điện 1 năm	kwh	70.007.448	
2	Tổng dân số	người	44.927	
3	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.558	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 13: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	hộ	11.625	
2	Tổng số hộ dân trên địa bàn	hộ	13.083	
3	Tỷ lệ số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	%	88,86	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 14: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ dân	hộ	13.083	
2	Tổng số hộ dân cư có nhà ở kiên cố	hộ	13.083	
3	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	%	100	
4	Tổng dân số	hộ	44.927	
5	Tổng diện tích sàn	m2	1.269.188	
6	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	28,25	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU15: HỆ THỐNG GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Ghi chú
	Tổng		**118.203**	**49.250**	
I	**Trường THCS**		**43.692**	**18.306**	
1	***Trường THCS Triệu Việt Vương***	*1*	***25.629***	***11.333***	
	Điểm chính (thôn Bình An)		7.771	3.000	
	Phân hiệu Hàm Tử		4.208	3.225	
	Phân hiệu Dạ Trạch		3.474	1.600	
	Phân hiệu Ông Đình		2.988	1.500	
	Phân hiệu An Vĩ		7.189	2.008	
II	**Trường Tiểu học**	2	**41.660**	**14.173**	
1	***Trường Tiểu học Triệu Việt Vương 1***		***18.063***	***6.973***	
	(Điểm chính thôn An Cảnh)		4.030	3.102	
	Phân hiệu An Vĩ		8.789	2.371	
	Phân hiệu Ông Đình		5.244	1.500	

2	***Trường Tiểu học Triệu Việt Vương 2***		***23.597***	***7.200***	
	(Điểm chính thôn Bãi Sậy 2)		9.838	3.500	
	Phân hiệu Dạ Trạch		5.896	1.700	
	Điểm trường tại thôn Bình An		7.863	2.000	
III	**Trường Mầm non**	2	**20.372**	**12.471**	
1	***Trường Mầm non Triệu Việt Vương 1***		***11.793***	***7.789***	
	(Điểm chính thôn An Cảnh)		3.450	3.687	
	phân hiệu Ông Đình (thôn Ông Đình)		2.500	1.000	
	phân hiệu An Vĩ (thôn Trung)		5.143	3.014	
	Điểm trường thôn An Thái		700	88	
2	***Trường Mầm non Triệu Việt Vương 2***		***8.579***	***4.682***	
	(Điểm chính thôn Thọ Bình)		2.767	1.000	
	Phân hiệu Dạ Trạch (Đức Nhuận Thượng)		755	755	
	Điểm trường thôn Yên Vĩnh		1.000	1.548	
	Điểm trường thôn Bãi Sậy 2		1.724	500	
	Điểm trường thôn Dương Trạch		1.822	529	
	Điểm trường thôn Bình An		511	350	
IV	**Trường THPT, Cao đẳng, chuyên nghiệp**	1	***12.479***	***4.300***	
1	Trường THPT Trần Quang Khải		12.479	4.300	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG THƯỜNG TÍN

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 16: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG NĂM 2025

TT	Cơ sở Y tế	Quy mô		
		Số giường	Số lượng cán bộ CNVC	Diện tích (m2)
1	Bệnh viện đa khoa (nội suy từ bệnh viện đa khoa Khoái Châu	117		
2	Các phòng khám đa khoa trên địa bàn	25		
	Tổng cộng	**142**		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 17: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
	Tổng	**112.156,2**	
I	**Công trình di tích lịch sử có giá trị được xếp hạng**	**60.933,5**	
1	Đền Dạ Trạch (Đền Hóa)	25.962,0	
2	Đền thờ Triệu Việt Vương	10.450,0	
3	Đền Hàm Tử	10.072,0	
4	Đình Trung	805,7	
5	Văn Chỉ Bình Dân	2.849,0	
6	Lăng Nguyễn Bá Khanh	1.670,8	
7	Đình An Dân	1.441,0	
8	Đình Dương Trạch	2.368,0	
9	Đình Thọ Bình	1.027,0	
10	Đền Bình Dân	748,0	
11	Đền Triệu Việt Vương (Đền Vua Rừng)	3.540,0	
II	**Nhà Văn hoá**	**23.083,1**	
1	Nhà Văn hóa thôn Ông Đình (thôn 2 cũ)	980,0	
2	Nhà Văn hóa thôn 1	1.040,0	
3	Nhà Văn hóa thôn Hàm Tử (thôn Xuân Đình cũ)	2.781,0	
4	Nhà Văn hóa thôn An Cảnh (thôn An Cảnh cũ)	1.183,0	
5	Nhà Văn hóa thôn Yên Vĩnh	1.200,0	
6	Nhà Văn hóa thôn Đức Nhuận Thượng	105,0	
7	Nhà Văn hóa thôn Thọ Bình	4.370,0	
8	Nhà Văn hóa thôn Bình An (thôn Bình Dân Cũ)	2.262,0	
9	Nhà Văn hóa thôn Dương Trạch	1.005,0	
10	Nhà Văn hóa thôn Bãi Sậy 1	2.300,0	

11	Nhà Văn hóa thôn Bãi Sậy 2 (thôn Bãi Sậy 2 cũ)	1.291,0	
12	Nhà Văn hóa thôn Trung	206,1	
13	Nhà Văn hóa thôn Thượng	384,9	
14	Nhà Văn hóa thôn Hạ	1.768,5	
15	Nhà Văn hóa thôn An Thái	2.206,6	
VI	**Công trình TDTT (sân vận động, sân bóng đá, sân chơi, sân tập luyện…)**	**28.140**	
1	Sân bóng đá (thôn An Cảnh)	2.747	
2	Sân bóng đá (thôn Dương Trạch)	3.571	
3	Sân bóng đá (thôn Bãi Sậy 1)	1.600	
4	Sân bóng đá (thôn Bãi Sậy 2 cũ)	2.144	
5	Sân bóng đá (thôn Bãi Sậy 3 cũ)	2.799	
6	Sân bóng đá thôn Bình An (thôn An Dân cũ cũ)	2.000	
7	Sân bóng đá thôn Dương Trạch (sân trung tâm của xã Tân Dân Cũ)	3.600	
8	Sân bóng đá thôn Thượng (Sân TT của xã An Vĩ Cũ)	6.423	
9	Sân bóng đá (thôn An Thái)	3.255	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 18: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
1	Chợ nông sản Lưu Ly	23.920	
2	Chợ Dương Trạch	450	
	Tổng	**24.370**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 19: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực	Quy mô diện tích (m2)	Ghi chú
I	Cây xanh sử dụng công cộng *(công viên, vườn hoa)*	320.779	
II	Đất cây xanh sử dụng hạn chế *(bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng)*	42.752,23	
III	*Đất cây xanh chuyên dụng (bao gồm đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly, cây xanh cách ly Khu công nghiệp, cây xanh cách lý các cơ sở xử lý chất thải rắn, cây xanh cách ly các tuyến đường giao thông).*	55.140,28	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 20: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tuyến phố	Số lượng	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Số lượng tuyến phố được đánh giá công nhận là tuyến phố văn minh đô thị	0		
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	0		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu			Ghi chú
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1	Đền Dạ Trạch (Đền Hóa)	thôn Yên Vĩnh, xã Triệu Việt Vương	x			
2	Đền thờ Triệu Việt Vương	thôn Yên Vĩnh, xã Triệu Việt Vương	x			
3	Đền Hàm Tử	thôn Hàm Tử, xã Triệu Việt Vương			x	
4	Đình Trung	thôn Trung, xã Triệu Việt Vương			x	
5	Văn Chỉ Bình Dân	thôn Bình An, xã Triệu Việt Vương			x	
6	Lăng Nguyễn Bá Khanh	thôn Hạ, xã Triệu Việt Vương			x	
7	Đình An Dân	thôn Bình An, xã Triệu Việt Vương			x	
8	Đình Dương Trạch	thôn Dương Trạch, xã Triệu Việt Vương			x	
9	Đình Thọ Bình	thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương		x		
10	Đền Bình Dân	thôn Bình An, xã Triệu Việt Vương		x		
11	Đền Triệu Việt Vương (Đền Vua Rừng)	thôn Trung, xã Triệu Việt Vương		x		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 22: HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên Đơn vị hành chính	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%)	Ghi chú
1	**UBND xã Triệu Việt Vương**	11908	6300	52,9%	100,0%	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Triệu Việt Vương, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 23: DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC CẢI TẠO CHỈNH TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Danh mục	Địa điểm	Năm cải tạo, chỉnh trang xây dựng	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Triệu Việt Vương (một số đoạn qua xóm 5, xóm 6, xóm 7 xã Triệu Việt Vương)	Xã Triệu Việt Vương	2025	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Triệu Việt Vương (đoạn từ nhà bà Hiền Hoa đến nhà Năm Oanh cùng một số tuyến nhánh) và xây dựng hệ thống chiếu sáng đường giao thông (đoạn từ nhà anh Long qua nhà Đăng Thuyết đến nhà anh Vân; đoạn từ nhà bà Út Hạnh đến nhà cụ Thời; đoạn từ nhà ông Tươi Dương đến đường trục xã)	Xã Triệu Việt Vương	2025	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương đoạn từ nhà ông Lực đến nhà Luân Huệ và đoạn kết nối ra đường trục thôn Thọ Bình	Xã Triệu Việt Vương	2025	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dương Trạch, xã Triệu Việt Vương đoạn tù nhà ông Sướng đến nhà ông Oánh và các tuyến nhánh	Xã Triệu Việt Vương	2025	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Trung, xã Triệu Việt Vương đoạn 1 từ nhà văn hóa thôn Trung đến sông Ao Vua, đoạn 2 từ nhà ông Lành đến nhà ông Thuần và các tuyến nhánh	Xã Triệu Việt Vương	2025	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dương Trạch, xã Triệu Việt Vương, đoạn từ đường trục xã đến xã Việt Yên	Xã Triệu Việt Vương	2025	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hải Nam

CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG



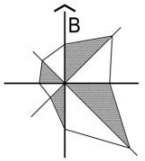
Sơ đồ quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên



Vị trí xã Triệu Việt Vương trong vùng tỉnh Hưng Yên

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG





Phạm vi lập Đề án công nhận xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chí đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Triệu Việt Vương. với tổng diện tích tự nhiên khoảng 27,18 Km^2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 44.927 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Việt Tiến;
- Phía Tây giáp xã Châu Ninh;
- Phía Nam giáp xã Chí Minh;
- Phía Bắc giáp các xã Mễ Sở, Hoàn Long, Việt Yên.

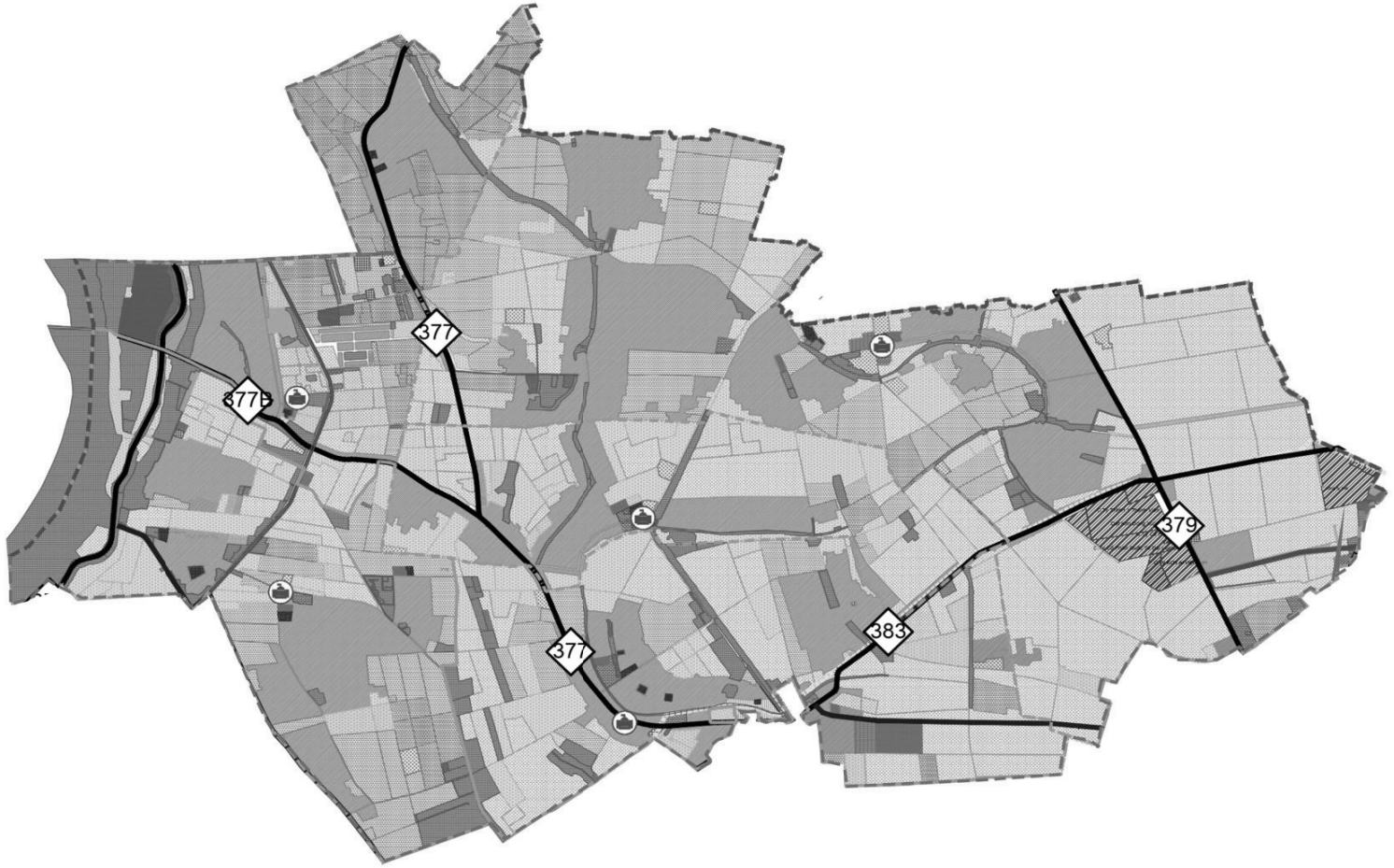


Phạm vi ranh giới xã Triệu Việt Vương

VIET VUONG 36

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



CHÚ THÍCH:

- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT Ở NÔNG THÔN
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP VÀ SXKD
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP (TRỒNG LÚA)
- ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
- ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ
- KHU CÔNG NGHIỆP
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
- BỆNH VIỆN, TRUNG TÂM Y TẾ
- NHÀ VĂN HÓA THÔN, XÃ
- TRƯỜNG HỌC TH, TIỂU HỌC MẦM NON
- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG ĐÊ
- CẦU

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

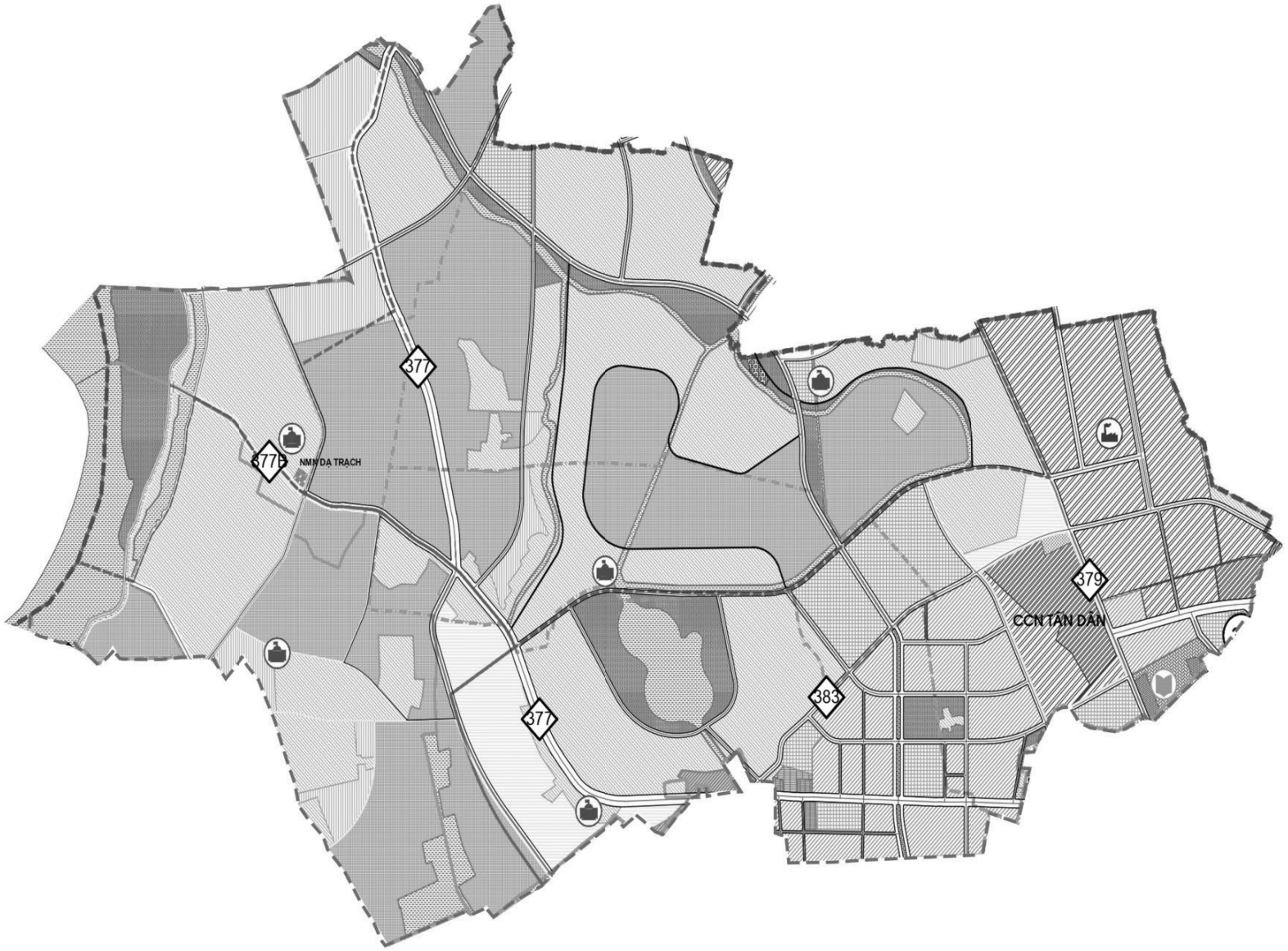


TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
Đất trồng lúa	LUA	mã HT LUA
Đất chuyên trồng lúa	LUC	mã HT LUC
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	mã HT HNK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT CLN
Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	mã HT NTS
Đất chăn nuôi tập trung	CNT	mã HT CNT
Đất nông nghiệp khác	NKH	mã HT NKH
Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT ODT
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT TSC
Đất quốc phòng	CQP	mã HT CQP
Đất an ninh	CAN	mã HT CAN
Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	mã HT DVH
Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	mã HT DXH
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	mã HT DYT
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	mã HT DGD
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	mã HT DTT
Đất khu công nghiệp	SKK	mã HT SKK
Đất cụm công nghiệp	SKN	mã HT SKN
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	mã HT SKS
Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	mã HT CCC
Đất công trình giao thông	DGT	mã HT DGT

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
Đất công trình thuỷ lợi	DTL	mã HT DTL
Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	mã HT DCT
Đất có di tích lịch sử- văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	mã HT DDD
Đất công trình xử lý chất thải	DRA	mã HT DRA
Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	mã HT DNL
Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	mã HT DBV
Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	mã HT DCH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	mã HT DKV
Đất tôn giáo	TON	mã HT TON
Đất tín ngưỡng	TIN	mã HT TIN
Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	mã HT NTD
Đất có mặt nước chuyên dùng dang ao, hồ, đầm, phá	MNC	mã HT MNC
Đất có mặt nước dạng sông ngòi, kênh, rạch, suối	SON	mã HT SON
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	mã HT PNK
Đất chưa sử dụng	CSD	

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN



KÍ HIỆU:

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
		KHU CƠ QUAN
		KHU HỖN HỢP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
		KHU CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
		KHU GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
		KHU ĐÔ THỊ
		KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN HIỆN HỮU CẢI TẠO
		KHU DÂN CƯ PHÁT TRIỂN MỚI
		CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
		KHU VỰC CÔNG NGHIỆP
		KHU VỰC SXKD PHỤC VỤ NÔNG THÔN
		KHU VỰC DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
		KHU NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
		KHU ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
		KHU CÂY XANH, CÔNG VIÊN, TDTT
		KHU VỰC NÔNG NGHIỆP
		MẶT NƯỚC
		GIAO THÔNG
		ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA
		ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO
		ĐƯỜNG SẮT NỘI VÙNG
		RANH GIỚI PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN
		RANH GIỚI XÃ THỊ TRẤN
		RANH GIỚI HUYỆN
		TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ
		TRUNG TÂM DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
		TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
		TRUNG TÂM VĂN HÓA
		TT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
		TRUNG TÂM Y TẾ
		TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
		TRUNG TÂM HỖN HỢP
		TRUNG TÂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG

VIỆT VƯƠNG 16

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

